

Số: 54 /TB-CN

Biên Hòa, ngày 06 tháng 4 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty: Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai (Dowaco).
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 48, CMT 8, P. Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai.
- Điện thoại: (0251) 3843 316 Fax: (0251) 3847 149
- Website: www.dowaco.vn
- Mã chứng khoán: DNW
- Người công bố thông tin: **Nguyễn Cao Hà**
- Chức danh: TV.HĐQT, Phó Giám đốc Công ty.
- Loại thông tin công bố:
 Định kỳ 24h Theo yêu cầu Khác

Nội dung công bố thông tin như sau:

Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (đính kèm báo cáo).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 06/4/2021 tại đường dẫn <http://dowaco.vn/quan-he-co-dong.aspx>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - HĐQT, Giám đốc Công ty;
 - Trưởng Ban Kiểm soát;
 - Lưu: VT, TCHC.
- E/HIẾN/CÔNG TY/CBTT/2021

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Cao Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

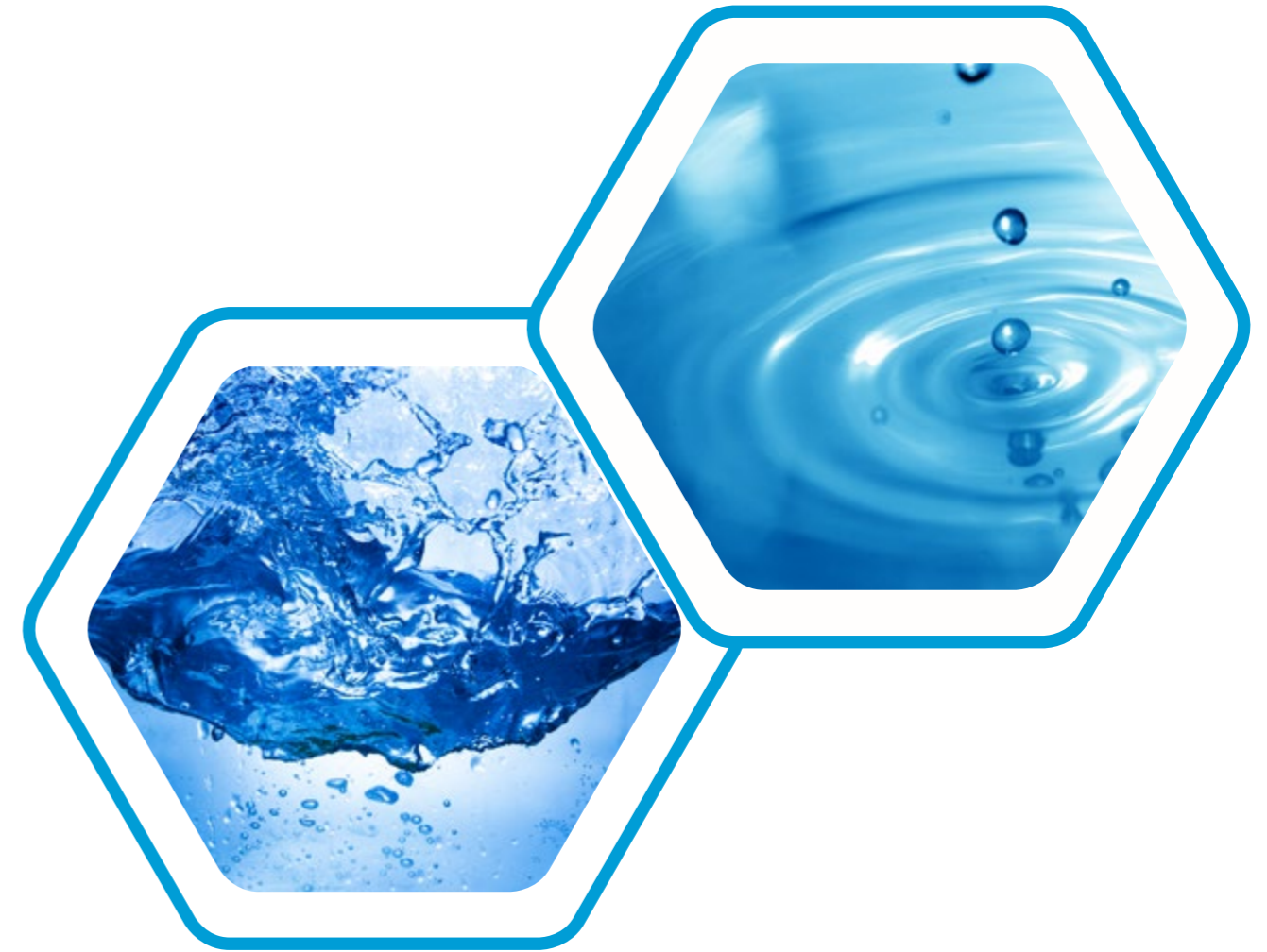
48, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3843 316

Website: www.dowaco.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI



— DOWACO —
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2020

MỤC LỤC

DNW

I
THÔNG TIN CHUNG

II
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

III
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

IV
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V
QUẢN TRỊ CÔNG TY

VI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2020



PHẦN I

Thông tin chung

☾ Thông tin khái quát	3
☾ Quá trình hình thành và phát triển	5
☾ Các giải thưởng tiêu biểu	7
☾ Ngành nghề kinh doanh	8
☾ Địa bàn kinh doanh	9
☾ Sơ đồ tổ chức	10
☾ Định hướng phát triển	13
☾ Các rủi ro	15



Thông tin khái quát

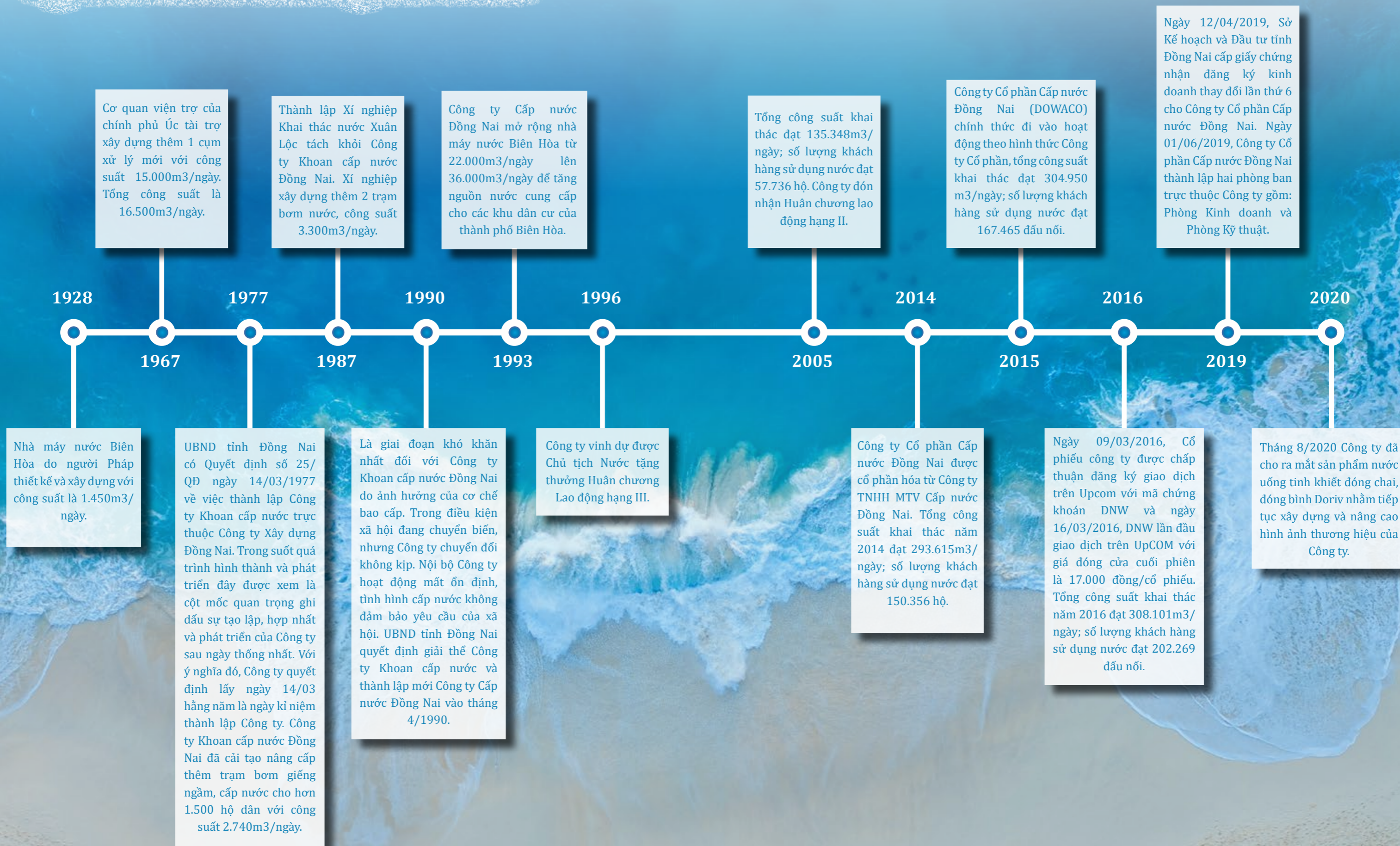


Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI	Vốn điều lệ:	1.000.000.000.000 đồng
Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI	Điện thoại:	(0251) 3843 316
Tên viết tắt:	DOWACO	Fax:	(0251) 3847 149
Tên Tiếng Anh:	DONG NAI WATER JOINT STOCK COMPANY	Email:	capnuocdongnai@dowaco.vn
Mã cổ phiếu:	DNW	Website:	www.dowaco.vn
Trụ sở chính:	Số 48, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	Số 3600259296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 07/04/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12/04/2019





Lịch sử hình thành phát triển





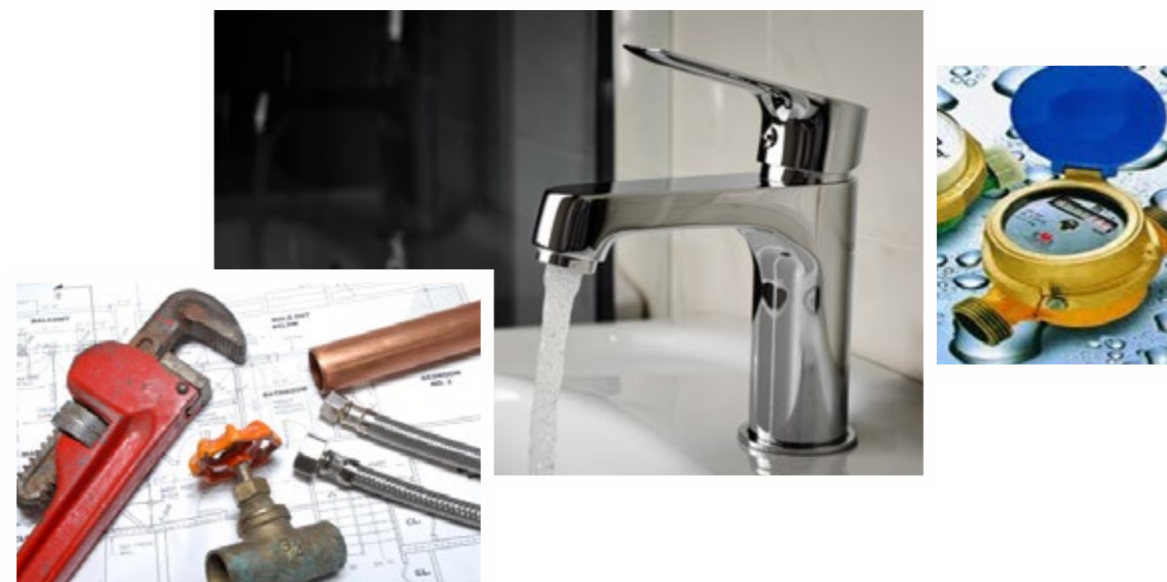
Các giải thưởng tiêu biểu

Năm	Số Quyết định	Hình thức	Giải thưởng	Cơ quan cấp
2015	QĐ số 1336/QĐ-UBND ngày 09/5/2016	Bằng Khen	"Đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước từ 2014 -2015"	UBND tỉnh Đồng Nai
	QĐ số 1336/QĐ-UBND ngày 09/5/2016	Cờ thi đua	"Đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2015"	UBND tỉnh Đồng Nai
2016	QĐ số 3238/QĐ-UBND ngày 06/10/2016	Bằng khen	"Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động SXKD từ năm 2013 - 2015 góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Đồng Nai"	UBND tỉnh Đồng Nai
	QĐ số 3238/QĐ-UBND ngày 06/10/2016	Khánh vàng	"Đạt danh hiệu "Doanh nghiệp xuất sắc" tỉnh Đồng Nai lần thứ VI - 2016"	UBND tỉnh Đồng Nai
2017	QĐ số 2470/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Bằng khen	"Đã có đóng góp trong phong trào ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa, giai đoạn 2012 - 2017"	UBND tỉnh Đồng Nai
	-	Bảng ghi nhận và cảm ơn	"Đã có đóng góp trong công tác dân vận và phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc năm 2018"	Công an TP. Biên Hòa
2018	QĐ số 2500/QĐ-UBND ngày 23/7/2018	Bằng khen	"Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Vì nạn nhân chất độc da cam giai đoạn 2013 - 2018"	UBND tỉnh Đồng Nai
	-	Bảng vàng tri ân	"Đã có thành tích ủng hộ Quỹ Tri ân Liệt sĩ trong 5 năm (2013 - 2018)"	Hội hỗ trợ Gia đình Liệt sĩ Đồng Nai
	QĐ số 4225/QĐ-UBND ngày 27/11/2018	Bằng khen	"Đã có thành tích tiêu biểu tham gia cuộc vận động "Ngày vì người nghèo" và phong trào xây dựng "Nhà Đại đoàn kết" xóa nhà dột nát cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2000 - 2018"	UBND tỉnh Đồng Nai
	-	Bảng tri ân	"Tri ân Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tham gia cuộc vận động "Ngày vì người nghèo" và phong trào xây dựng "Nhà Đại đoàn kết" xóa nhà dột nát cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2000 - 2018"	UBMTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai
2019	QĐ số 1177/QĐ-UBND ngày 22/4/2019	Bằng khen	"Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2018"	UBND tỉnh Đồng Nai
	QĐ số 38/QĐTHXDVN ngày 27/6/2019	Bằng khen	"Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Hội nghị kỳ IV (2014-2019)"	BCH Trung ương Tổng hội Xây dựng Việt Nam
	QĐ số 126/QĐ-TĐKTT-WH ngày 16/9/2019	Bảng Tri ân	"Tri ân tấm lòng vì nạn nhân chất độc da cam: Chương trình "hỗ trợ sinh kế cho nạn nhân chất độc da cam Việt Nam" lần thứ 1"	Hội nạn nhân chất độc da cam dioxin Việt Nam
2020	QĐ số 1242/QĐ-UBND ngày 20/4/2020.	Bằng khen	Công ty CP cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2019	UBND tỉnh Đồng Nai



Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:
 - Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.
 - Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác.
 - Thiết kế công trình thoát nước. Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp thoát nước.
 - Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư. Giám sát thi công công trình dân dụng - công nghiệp. Lập hồ sơ mời thầu. Đánh giá hồ sơ dự thầu. Thẩm định thiết kế kỹ thuật. Quyết toán các dự án đầu tư.
 - Tư vấn quản lý dự án đầu tư. Thẩm định hồ sơ mời thầu và dự toán-tổng dự toán.
 - Thẩm định kết quả đấu thầu.
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15 mm đến 100 mm (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).





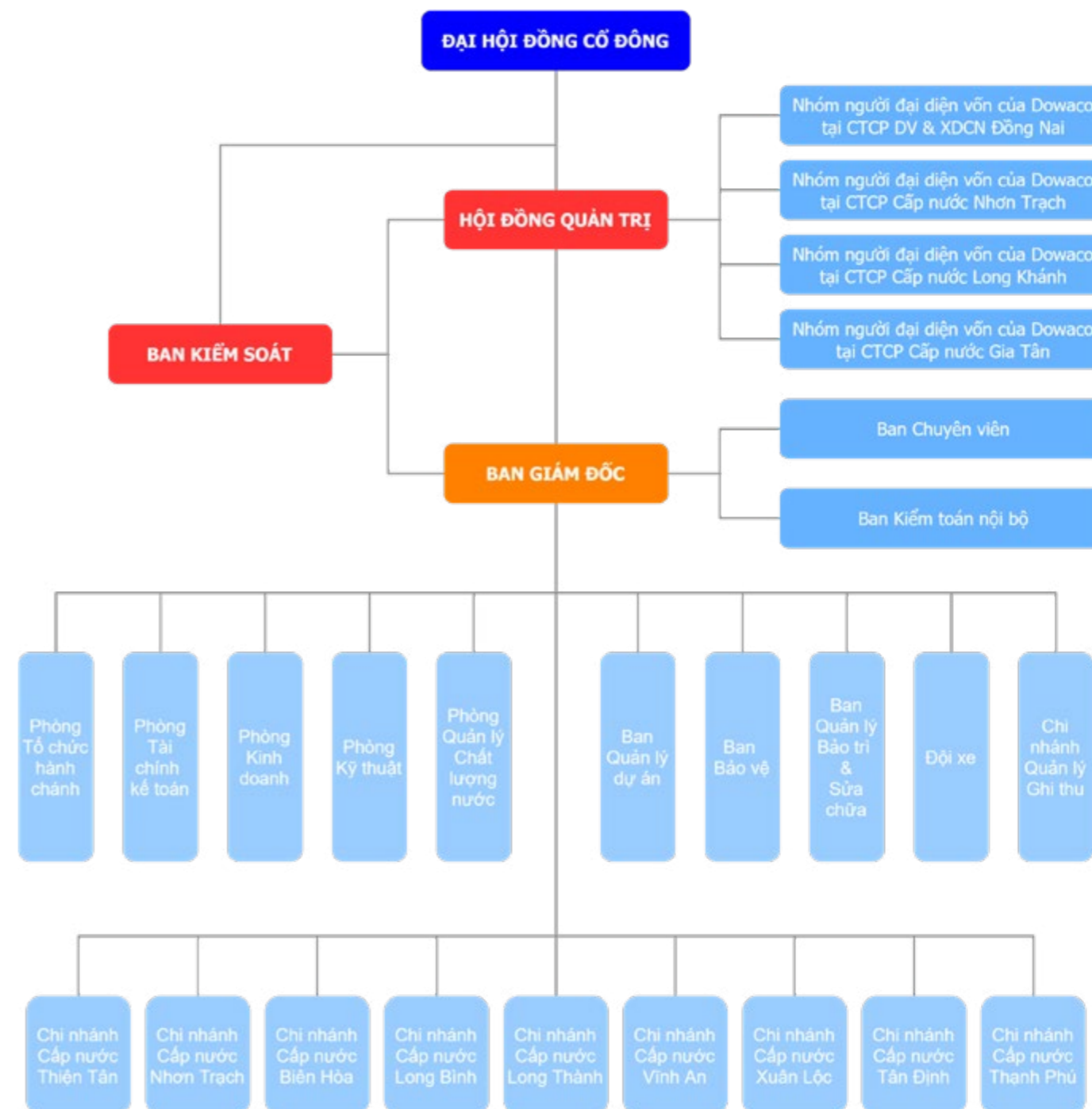
Địa bàn kinh doanh

Hiện nay, các nhà máy sản xuất nước mặt đang khai thác và cung cấp nước cho các khu vực như sau:

- Khu vực thành phố Biên Hòa (29 phường và 1 xã Long Hưng).
- Khu vực Long Thành: Thị trấn Long Thành (Văn Hải, Phước Hải, Phước Thuận, Phước Long, Cầu Xéo, Kim Sơn), xã Long Đức, An Phước, Lộc An, Long An, Tam An, Bình Sơn.
- Khu vực huyện Xuân Lộc: Thị trấn Gia Ray, xã Xuân Tâm, Xuân Hưng, Xuân Hòa, Xuân Hiệp, Suối Cát, Xuân Trường.
- Khu vực huyện Định Quán: Thị trấn Định Quán, xã Phú Vinh, Phú Lợi, Gia Canh, Phú Ngọc, Ngọc Định.
- Khu vực Tân Phú: Thị trấn Tân Phú, 1 phần xã Trà Cổ.
- Khu vực huyện Vĩnh Cửu: Thị trấn Vĩnh An, xã Vĩnh Tân, xã Thạnh Phú, xã Thiện Tân, xã Tân An.
- Khu vực huyện Trảng Bom: Thị trấn Trảng Bom, xã Hố Nai 3, Xã Bắc Sơn, Bình Minh, Quảng Tiến, Giang Điền.
- Khu vực huyện Nhơn Trạch: Khu trung tâm huyện Nhơn Trạch, các KCN Nhơn Trạch, khu dân cư xã Hiệp Phước, Long Thọ, Phước An, Phước Thiện, Phú Hội (qua đồng hồ tổng của Công ty mẹ và Công ty Cấp nước Hồ Cầu Mới).



Sơ đồ tổ chức



Công ty mẹ

Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp

Mã cổ phiếu: SNZ.

Địa chỉ: Số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ: 3.765.000.000.000 đồng.

Điện thoại: (0251) 8860 561.

Fax: (0251) 8860 573.

Website: sonadezi.com.vn

Sở hữu DNW: 639.891.000.000 đồng – 63,99%.

Ngành nghề kinh doanh:

- Đầu tư phát triển đô thị công nghiệp, khu công nghiệp, khu dân cư.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc đi thuê.
- Mua, bán, cho thuê kho bãi và nhà xưởng.
- Khai thác, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước, kinh doanh vật tư, thiết bị ngành nước.
- Kinh doanh cầu cảng, bến bãi, kho tàng và các dịch vụ hỗ trợ cho vận tải.
- Xây dựng nhà các loại.
- Cho thuê nhà ở.
- Dịch vụ quản lý môi trường.
- Dịch vụ du lịch.
- Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 3600335363 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/07/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 04/12/2019.



Công ty con, công ty liên kết

Công ty con

STT	Thông tin	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch		
1	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. • Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch. • Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng. • Vốn DNW nắm giữ (tính đến 31/12/2020): 52.437.360.000 đồng. 	52.44%
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh		
2	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Số 02 bis Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. • Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, lọc nước và phân phối nước sạch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt tại các khu dân cư, cung cấp nguồn nước phục vụ cho hoạt động công nghiệp. • Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng. • Vốn DNW nắm giữ (tính đến 31/12/2020): 12.750.000.000 đồng. 	51.00%

Công ty liên kết

STT	Thông tin	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai		
1	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Số 52 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. • Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch; lắp đặt đường ống cấp nước, thoát nước, bơm nước. • Vốn điều lệ: 23.450.000.000 đồng. • Vốn DNW nắm giữ (tính đến 31/12/2020): 8.442.000.000 đồng. 	36.00%
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân		
2	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Đường Gia Tân 1, ấp Dốc Mỏ 3, xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. • Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp; phân phối nước sạch. • Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng. • Vốn DNW nắm giữ (tính đến 31/12/2020): 25.000.000.000 đồng. 	25.00%



Định hướng phát triển

Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có tốc độ phát triển kinh tế nhanh. Các trung tâm, thị trấn thị tứ, các đô thị và khu công nghiệp trong tỉnh ngày càng phát triển sẽ thúc đẩy ngành cấp nước phát triển theo để đáp ứng nhu cầu cấp nước cho sự phát triển đó. Căn cứ Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 21/01/2014. Do đó mục tiêu chủ yếu của Công ty là đầu tư các dự án cấp nước và phát triển khách hàng, Công ty sẽ tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh với các mục tiêu cụ thể:

- Đầu tư phát triển nguồn nước theo quy hoạch được duyệt từ các nguồn vốn vay ODA, vốn tự có, vốn vay thương mại, vốn vay ưu đãi, vốn huy động của khách hàng và vốn của các chủ đầu tư khác.
- Triển khai các dự án đầu tư hệ thống cấp nước để cung cấp cho các khu vực thị xã, thị trấn, khu vực dân cư tập trung để mở rộng phạm vi cung cấp nước và tăng đối tượng sử dụng nước sạch.
- Đầu tư nâng công suất các nhà máy nước bằng các hình thức mở rộng, cải tạo, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới.
- Có những giải pháp phát triển nguồn, mạng lưới cấp nước để đáp ứng nhu cầu phục vụ dân sinh và công nghiệp.
- Thực hiện nâng cao trình độ quản lý hệ thống cấp nước, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà máy nước, hệ thống phân phối, hệ thống quản lý khách hàng, áp dụng hình thức quản lý hệ thống chạy trên nền công nghệ Hệ thống thông tin địa lý (GIS).
- Quản lý tốt chất lượng vật tư, thiết bị, nguyên liệu, tài chính, nhân lực, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý để tăng cường chất lượng dịch vụ đối với khách hàng, đơn giản hóa thủ tục hành chính.
- Tăng cường chức năng bảo trì, sửa chữa thiết bị trên mạng lưới khi áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý.
- Hỗ trợ các Công ty cổ phần có vốn góp của Công ty về mặt kỹ thuật, nguồn vốn, nhân lực để các Công ty cổ phần đảm đương tốt nhiệm vụ phát triển và cung cấp nước đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của dân cư và khu công nghiệp trên địa bàn Tỉnh.
- Triển khai các nội dung có liên quan đến việc ra mắt sản phẩm nước uống tinh khiết đóng chai mang thương hiệu của Công ty; lập các phương án kinh doanh cho sản phẩm nước uống đóng chai và phương án cung cấp cây nước uống trực tiếp tại vòi cho các trường học.
- Đẩy mạnh công tác cộng đồng, truyền thông từ thiện xã hội theo hướng trực tiếp thiết thực từng bước xây dựng thương hiệu Cấp nước Đồng Nai gắn liền với cộng đồng.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Là một doanh nghiệp sử dụng tài nguyên nước khá lớn trên địa bàn, Công ty xác định việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước là trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp, ngoài việc phối hợp với các ngành chức năng để bảo vệ khai thác nguồn nước hiệu quả, tiết kiệm hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượng nguồn nước thô, quan tâm công tác xả thải nhằm hạn chế thấp nhất ô nhiễm môi trường.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân, do đó ngoài hoạt động kinh doanh, Công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội, Công ty sẽ nỗ lực để nhân dân trong khu vực được sử dụng nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho nhân dân.





Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Năm 2020 được đánh giá là một năm tồi tệ nhất về kinh tế và xã hội kể từ Chiến tranh thế giới thứ II, khi dịch bệnh COVID-19 làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, Việt Nam cũng chịu tác động ít nhiều bởi cuộc khủng hoảng này. Tuy vậy, với những phản ứng nhanh chóng, hiệu quả, nền kinh tế Việt Nam được xem là một điểm sáng trong bức tranh kinh tế - xã hội quý IV và năm 2020 do Tổng cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng 2,91%, và vẫn duy trì xuất siêu với giá trị 19,1 tỷ USD, giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay. Cùng với đó, lạm phát cũng được kiểm soát dưới mức 4% so với mục tiêu tổng quát được Chính phủ đưa ra. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 28,5 tỷ USD, giảm 25% so với cùng kỳ 2019, nhưng đây vẫn là một tín hiệu rất tốt trong bối cảnh hiện tại. Ngoài ra, Việt Nam cũng được nhận định là quốc gia hưởng lợi khi Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp khi mà Mỹ liên tục áp thuế và đưa ra các chính sách bất lợi với Trung Quốc. Điều này làm cho các tập đoàn lớn lo lắng và nhanh chóng tái cơ cấu lại chuỗi cung ứng của họ theo hướng giảm sự phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc, điển hình là 15 công ty Nhật dự kiến chuyển nhà máy sang Việt Nam...



Rủi ro lãi suất

Dowaco có những dự án cấp nước có giá trị đầu tư rất lớn được tài trợ bằng các khoản vay nợ tài chính nên các rủi ro từ biến động lãi suất có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty. Năm 2020, trước tình hình khó khăn từ diễn biến của dịch bệnh, Ngân hàng Nhà nước đã nhiều lần thực hiện hạ mức lãi suất điều hành, từ đó, mặt bằng lãi suất trong nước về cơ bản đã giảm so với năm 2019. Cụ thể, lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam đã giảm 0,6-0,8% so với năm 2019, riêng một số lĩnh vực được vay với mức lãi suất ưu tiên là 4,5%/năm. Bối cảnh kinh tế thế giới cũng ghi sự nói lỏng chính sách tiền tệ cũng như là các gói kích thích kinh tế của hàng loạt các quốc gia, duy trì mức lãi suất thấp để hỗ trợ nền kinh tế. Ngoài ra, theo Tổng cục Thống kê, tỷ lệ tăng trưởng tín dụng năm 2020 được ghi nhận ở mức 10,14% và huy động vốn từ các tổ chức tín dụng tăng 12,87%. Theo đó, Công ty được hưởng lợi từ việc sử dụng nguồn tài trợ nợ với chi phí rẻ, ổn định. Tuy nhiên, Công ty vẫn luôn theo dõi thường xuyên để có thể đề ra các biện pháp để ứng phó kịp thời khi lãi suất có biến động lớn.

Đối với tỉnh Đồng Nai, địa phương vẫn luôn là một trong những tỉnh thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài nhất, Chính phủ đã thực hiện phê duyệt 35 khu công nghiệp, đến nay đã thành lập 32 khu công nghiệp với tổng diện tích đất tự nhiên đạt hơn 10,2 nghìn ha; 31 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động, và với tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp đang hoạt động đạt gần 81,93%, nhu cầu đối với việc sử dụng nước sạch là rất lớn. Bên cạnh đó, theo quy hoạch về phát triển cấp nước cho các khu đô thị và công nghiệp đến năm 2025, Việt Nam hướng đến các mục tiêu tỷ lệ tiếp cận nước sạch được cung cấp tập trung ở khu đô thị là 100% với tiêu chuẩn tiêu thụ 120 lít/người/ngày. Trong khi đó, tỷ lệ tiếp cận nước sạch an toàn ở nông thôn chỉ đạt 75%. Đây là những cơ hội lớn cũng như dư địa lớn cho việc tăng trưởng của các doanh nghiệp ngành cấp nước nói chung và Dowaco nói riêng. Do vậy, Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Dowaco vẫn luôn chủ động xem xét các nhân tố vĩ mô để kịp thời đề ra các biện pháp nhằm mang lại lợi ích tốt nhất cho Công ty và các cổ đông.



Rủi ro tỷ giá

Công ty ghi nhận khoản vay lớn đến từ nguồn vốn vay ODA, tuy được hưởng các lợi ích từ lãi suất thấp, nhưng Công ty cũng đối mặt với rủi ro về tỷ giá. Theo đó, Công ty đã ký kết các hợp đồng vay bằng đồng Yên (JPY) và đồng Won (KRW) phục vụ cho các hệ thống cấp nước, đặc biệt là dự án Nhơn Trạch. Trong suốt năm 2020, các khoản chi trả lãi vay của Công ty đã chịu tác động vô cùng lớn khi các đồng tiền ngoại tệ biến động vô cùng mạnh mẽ. Điển hình, tại thời điểm cuối năm 2020, Đồng Yên của Nhật đã tăng 5,2% giá trị so với mức ghi nhận ở đầu năm. Khi đó, kết quả hoạt động kinh

doanh của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng lớn bởi sự thay đổi lớn từ chi phí tài chính khi áp lực từ các khoản nợ gốc và lãi vay của các dự án gia tăng. Trong năm 2021 và những năm sau, với chính sách điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp với tình hình thị trường trong và ngoài nước của Ngân hàng Nhà nước, Công ty kỳ vọng tình hình các khoản vay ngoại tệ sẽ được cải thiện so với năm trước. Công ty sẽ phải tính toán, cân đối và đề ra các giải pháp nhằm tận dụng các lợi ích của các khoản vay, hạn chế các tác động tiêu cực từ biến động tỷ giá và đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh, đảm bảo đủ nguồn lực chi trả nợ.

Rủi ro pháp luật

Dowaco luôn coi tuân thủ pháp luật là một mục tiêu quan trọng trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty. Mọi thay đổi trong chính sách của chính phủ đều có tác động tới quá trình hoạt động của Công ty. Với vai trò là một doanh nghiệp trong nền kinh tế, Dowaco chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý thuế ... và các văn bản dưới Luật liên quan. Bên cạnh đó, là một công ty đại chúng và đã đăng ký giao dịch tại sàn UPCOM, Công ty cũng chịu ảnh hưởng nhiều từ sự thay đổi, cập nhật của Luật Chứng khoán cùng các Nghị định, Thông tư liên quan. Đặc biệt, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành vào 26/11/2019 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được ban hành vào 17/06/2020 đã cùng có hiệu lực từ 01/01/2021 với nhiều quy định, cơ chế mới thay thế so với các quy định cũ, sẽ góp phần tạo một hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, giúp Công ty có thể hoạt động một cách hiệu quả.

Ngoài ra, khai thác và phân phối nước đến các đô thị, khu công nghiệp - mảng kinh doanh chính của Dowaco còn chịu sự ràng buộc của Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường, ... cũng như các quy định về chất lượng nước đến khách hàng mà gần đây là Chỉ thị số 34/CT-TTg ban hành ngày 28/8/2020 về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục. Việt Nam ngày càng hội nhập phát triển, đòi hỏi việc phải luôn thay đổi, cập nhật để hệ thống pháp lý được hoàn thiện hơn. Sự thay đổi của Luật và các văn bản dưới Luật sẽ có ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động vận hành doanh nghiệp, đòi hỏi Ban Lãnh đạo Công ty phải thận trọng và kịp thời cập nhật các thay đổi để đảm bảo giảm rủi ro về mặt quản trị, cơ chế quản lý xuống mức thấp nhất.



Rủi ro đặc thù

Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác

Cũng như các doanh nghiệp khai thác và cung cấp nước khác, Dowaco lấy nguồn đầu vào từ các sông, các hồ, mạch nước ngầm thuộc khu vực như sông Đồng Nai, hồ Trị An, Gia Ui ... Tuy nhiên, khu vực này cũng là nơi tập trung nhiều doanh nghiệp, khu công nghiệp và đất sản xuất nông nghiệp. Tình trạng ô nhiễm do không sử dụng hệ thống xử lý nước thải đúng chuẩn, xả rác ven sông, hồ, các sản phẩm hóa học phục vụ nông nghiệp làm suy giảm chất lượng nguồn nước đầu vào của công ty. Bên cạnh các yếu tố thuộc về con người, thời tiết cũng đóng vai trò quan trọng trong trữ lượng cũng như chất lượng của nguồn nước đầu vào. Tình hình thời tiết năm 2020 khá khắc nghiệt, đầu năm nắng gắt, hạn hán, cuối năm mưa bão, và dự báo tình hình năm 2021 nghiêm trọng hơn do hậu quả của biến đổi khí hậu mà Việt Nam là một trong những nước chịu nhiều ảnh hưởng nhất. Có thể thấy, Công ty sẽ phải tiếp tục đối diện những khó khăn để đem lại nguồn nước sạch cho khách hàng.

Rủi ro tỷ lệ thất thoát nước

Đối với các doanh nghiệp ngành cấp nước, tỷ lệ thất thoát nước luôn là yếu tố được quan tâm hàng đầu, là một tiêu chí trong quản lý tài nguyên của Công ty. Nước rò rỉ được phân theo hai dạng chính là loại dễ thấy (nước tràn trên mặt đất) và loại khó thấy (nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước, đường ống nước có đoạn đi qua cầu, qua suối...) nên việc kiểm soát thất thoát rất khó khăn.

So sánh với các nước trong cùng khu vực, tỷ lệ thất thoát nước tại Việt Nam luôn nằm trong nhóm cao, gây lãng phí lớn. Nguyên nhân thất thoát nước lớn là do hệ thống đường ống cấp nước ở nhiều đô thị quá cũ, có nhiều tuyến ống sử

dụng lâu năm nên tình trạng đường ống nước bị vỡ khiến nước bị rò rỉ hoặc chảy tràn lan ra ngoài là điều dễ thấy. Ngoài ra còn có cả sự gian lận trong sử dụng nước của một bộ phận người dân còn thiếu ý thức chấp hành quy định dẫn đến nguồn nước sạch bị thất thoát trầm trọng. Trước thực trạng trên, Dowaco đã lên phương pháp kiểm tra, sửa chữa, thay thế các đoạn hư hỏng, rò rỉ đồng thời áp dụng công nghệ thông tin trong thực hiện quản lý mạng lưới tuyến ống, tài sản. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện giám sát thi công các tuyến ống hộ hùn, đồng hồ khách hàng đảm bảo đúng hồ sơ thiết kế.

Rủi ro giá cả đầu ra

Do cung cấp nước sạch được quy định là dịch vụ công ích đồng thời lại được quy định là hoạt động sản xuất kinh doanh chịu sự kiểm soát của Nhà nước nên giá bán sản phẩm Công ty phải thực hiện theo Quyết định số 20/2014/QĐ - UBND ngày 23/05/2014 về việc ban hành giá cung cấp nước máy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và không thể chủ động trong việc điều chỉnh giá cung cấp nước tức thời. Các doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề này cần phải tuân thủ các quy định của Pháp luật về khai thác, sản xuất và cung cấp nước. Hơn nữa, giá bán nước luôn được Nhà nước điều chỉnh để hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và đối tượng sử dụng nước. Để đảm bảo lợi ích chung, Nhà nước ban hành ra các khung giá về nước áp dụng cho các khu vực và đối tượng khác nhau, chính vì thế giá bán nước tại một số thời điểm chưa được điều chỉnh kịp thời so với tình hình giá cả thị trường nên có khả năng ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Chính vì vậy, kiểm soát tốt tỷ lệ thất thoát nước, giữ gìn nguồn nguyên liệu đầu vào là việc Dowaco tập trung đẩy mạnh hiện nay nhằm hạn chế tối đa rủi ro về giá.

Rủi ro khác







” Công ty có thể phải đối mặt với những rủi ro bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... Vì vậy, Công ty cần phải luôn luôn có những biện pháp ứng phó kịp thời để giảm tối đa tổn thất khi các rủi ro đó xảy ra.





PHẦN II

Tình hình hoạt động kinh doanh

	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	21
	Tổ chức và nhân sự	23
	Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	29
	Tình hình tài chính	33
	Cơ cấu cổ đông	35
	Báo cáo phát triển bền vững	37



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Sản lượng nước sản xuất

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	%TH2020/ KH2020	%TH2020/ TH2019
Sản lượng nước sản xuất (m ³)	121.877.620	130.005.000	130.221.879	100,17%	106,85%

Cơ cấu doanh thu

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu cung cấp nước	1.034.682	96,49%	1.073.756	96,24%
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	37.306	3,48%	41.195	3,69%
Doanh thu thuê TSCĐ	324	0,03%	356	0,03%
Doanh thu Doriv	-	-	345	0,03%
Tổng cộng	1.072.312	100,00%	1.115.652	100,00%

Kết quả hoạt động kinh doanh (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020	%TH2020/TH2019
Tổng doanh thu	1.085.973	1.128.431	103,91%
Lợi nhuận trước thuế	183.711	172.390	93,84%
Lợi nhuận sau thuế	171.944	161.823	94,11%

Kết quả hoạt động kinh doanh (Công ty mẹ)

STT	Nội dung	ĐVT	KH 2020	TH 2020	So với kế hoạch
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	959.000	1.003.515	104,64%
	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ			
2	- Loại trừ CLTG	Tr.đ	195.000	246.151	126,23%
	- Chưa loại trừ CLTG	Tr.đ		158.832	
	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ			
3	- Loại trừ CLTG	Tr.đ	170.000	233.701	137,47%
	- Chưa loại trừ CLTG	Tr.đ		150.748	
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH^(*)	%	15,94%	21,75%	136,45%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng TS^(*)	%		6,84%	
6	Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách	Tr.đ	75.000	89.546	119,39%

(*) Lợi nhuận sau thuế đã loại trừ ảnh hưởng từ chênh lệch tỷ giá



Tổng doanh thu

đạt **1.128.431** triệu đồng

tăng **3,91%** so với năm 2019

Kế thừa những thành công của năm 2019, bước vào nhiệm kỳ 2020-2025, Dowaco đã có kết quả đáng được ghi nhận cho hoạt động kinh doanh năm 2020. Với hoạt động kinh doanh chính vẫn là cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, tổng doanh thu của Công ty trong năm đạt giá trị 1.128.431 triệu đồng, đã tăng 3,91% so với kết quả năm 2019. Đây là kết quả của những nỗ lực, phấn đấu của tập thể Dowaco trước bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, các doanh nghiệp, khu công nghiệp trên địa bàn hoạt động dưới năng suất. Cụ thể, doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ mang lại 1.115.652 triệu đồng cho Công ty trong năm 2020, tăng 4,04% so với năm 2019, trong đó, nguồn thu chính vẫn từ cung cấp nước chiếm tỷ trọng 96,24%. Với các dự án đầu tư đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm 2020 (hệ thống cấp nước ở bốn xã Thạnh Phú, Bình Lợi, Bình Hòa, Tân Bình, dự án nâng cấp công suất của Nhà máy nước Gia Ray), Công ty đã thu hút sự chú ý và ký kết thêm nhiều hợp đồng cung cấp sản phẩm. Bên cạnh đó, trong năm 2020, Dowaco đã cho ra mắt sản phẩm nước tinh khiết với thương hiệu DORIV. Doriv, mang trong mình mục tiêu lan tỏa thông điệp sống tích cực, có trách nhiệm với môi trường, bảo vệ nguồn nước sông Đồng Nai, sẽ là sản phẩm mới mang lại nguồn thu chính

bên cạnh hoạt động cấp nước của Công ty trong tương lai. Mặc dù tình hình doanh thu rất khả quan, nhưng trong năm 2020, lợi nhuận sau thuế của Công ty đã giảm 5,89% so với năm 2019, tương ứng với mức giảm 10.121 triệu đồng. Câu trả lời giải thích cho lý do dẫn đến sụt giảm lợi nhuận sau thuế của Công ty là chi phí tài chính của năm 2020 đã tăng từ 98.399 triệu đồng lên 155.966 triệu đồng. Những bất ổn từ tác động của dịch bệnh COVID-19 và biến động của tình hình kinh tế, chính trị trên thế giới đã tác động mạnh tới các khoản vay bằng đồng ngoại tệ của Công ty, làm các khoản chi phí tài chính tăng cao, cụ thể, cả đồng Won và đồng Yên đều đã tăng hơn 5% so với đầu năm. Chính vì vậy, Dowaco sẽ tiếp tục tăng cường công tác quản trị rủi ro trong năm 2021, đặc biệt là rủi ro tỷ giá, đảm bảo các chi phí không ảnh hưởng tiêu cực lên hoạt động kinh doanh của Công ty.



Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Bà Phạm Thị Hồng	Giám đốc
2	Ông Đặng Văn Chất	Phó Giám đốc
3	Ông Nguyễn Cao Hà	Phó Giám đốc
4	Bà Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng

BÀ PHẠM THỊ HỒNG

Giám đốc

- Năm sinh: 1979.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2020: 25.000.000 cổ phần, chiếm 25% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 25.000.000 cổ phần, chiếm 25% vốn điều lệ.

ÔNG ĐẶNG VĂN CHẤT

Phó Giám đốc

- Năm sinh: 1977.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2020: 10.000.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 10.000.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.

ÔNG NGUYỄN CAO HÀ

Phó Giám đốc

- Năm sinh: 1971.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tài chính; Thạc sĩ Kinh doanh và quản lý.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2020: 10.010.600 cổ phần, chiếm 10,01% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 10.600 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 10.000.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.

BÀ NGUYỄN THU OANH

Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1969.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2020: 28.800 cổ phần, chiếm 0,03 vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 28.800 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần.



Danh sách thay đổi thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong năm 2020

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Vũ Văn Học	Chủ tịch HĐQT		17/04/2020
2	Đặng Văn Chất	Chủ tịch HĐQT	17/04/2020	
3	Nguyễn Văn Thiên	Phó chủ tịch HĐQT	17/04/2020	
4	Trần Trung Chiến	Thành viên HĐQT	17/04/2020	
5	Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	17/04/2020	
6	Nguyễn Văn Bình	Thành viên HĐQT Phó Giám đốc		17/04/2020
7	Nguyễn Cao Hà	Phó Giám đốc	01/07/2020	

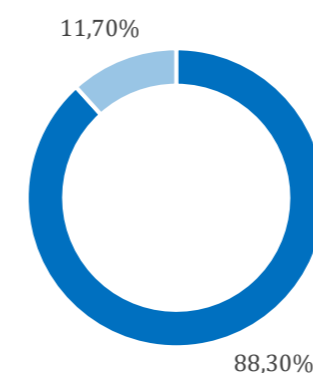




Số lượng cán bộ công nhân viên

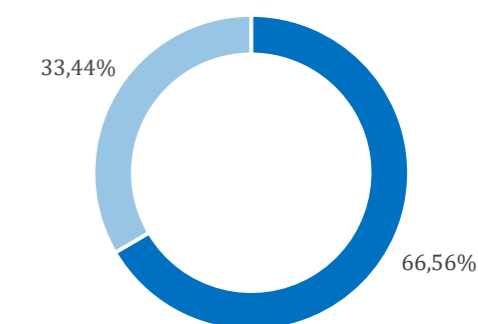
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I	Theo trình độ	906	
1	Trình độ đại học, trên đại học	495	54,64%
2	Trình độ Cao đẳng	42	4,64%
3	Trình độ Trung cấp	81	8,94%
4	Công nhân kỹ thuật	56	6,18%
5	Lao động phổ thông	232	25,61%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	906	
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	800	88,30%
2	Hợp đồng có xác định thời hạn	-	-
3	Hợp đồng theo thời vụ	106	11,70%
III	Theo giới tính	906	
1	Nam	603	66,56%
2	Nữ	303	33,44%

Theo tính chất hợp đồng



- Hợp đồng không xác định thời hạn
- Hợp đồng có xác định thời hạn
- Hợp đồng theo thời vụ

Theo giới tính

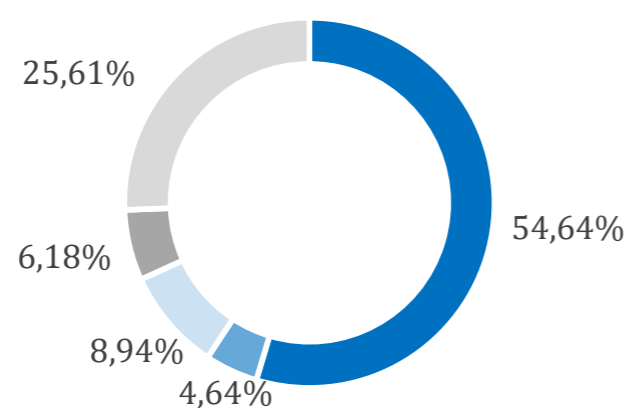


- Nam
- Nữ

Thu nhập bình quân

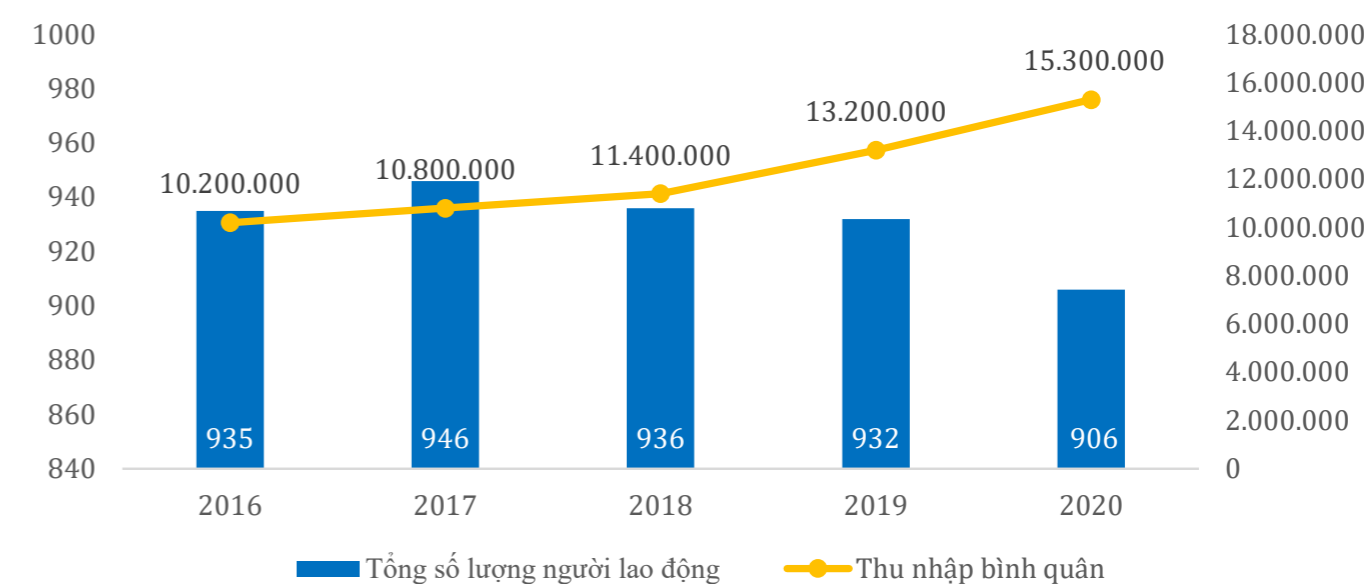
Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số lượng người lao động (người)	935	946	936	932	906
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	10.200.000	10.800.000	11.400.000	13.200.000	15.300.000

Theo trình độ



- Trình độ đại học, trên đại học
- Trình độ Cao đẳng
- Trình độ Trung cấp
- Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

Thu nhập bình quân





Chính sách nhân sự

Về đào tạo

Công ty đã lập kế hoạch đào tạo cho đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động trong năm 2020, thực hiện các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động, bổ sung các kiến thức chuyên ngành, nâng cao trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ thuộc diện quy hoạch và người lao động. Các chức danh quy hoạch là người đại diện phần vốn còn được tham gia các khóa đào tạo về quản trị rủi ro, quản trị Công ty. Công tác đào tạo được tiến hành đồng thời tại Công ty và cử CB.CNV tham gia đào tạo ngoài Công ty thông qua các hình thức trao đổi, học tập kinh nghiệm, tham gia các khóa đào tạo, tập huấn do Chi hội cấp nước Miền Nam và các tổ chức đào tạo tổ chức ...

Công ty duy trì thường xuyên công tác quy hoạch, đào tạo; bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực tại chỗ; quy hoạch cán bộ trẻ, cán bộ có năng lực để chủ động đội ngũ cán bộ kế cận. Ngoài ra, Công ty thường xuyên tổ chức các hội thảo kỹ thuật nội bộ liên quan đến lĩnh vực cấp nước an toàn nhằm chia sẻ kinh nghiệm, đề ra các giải pháp ứng dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên kỹ thuật. Công tác đào tạo tại Công ty năm 2020 đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng nguồn nhân lực và nhận thức của người lao động với hoạt động chung của Công ty.

Trong năm 2020 Công ty đã cử CB.CNV tham dự Hội thảo, Hội nghị: 02 Hội thảo với 27 lượt người:

- Hội nghị đối thoại doanh nghiệp liên quan đến Bộ Luật lao động (sửa đổi năm 2019) và các vấn đề pháp lý trong giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại của Doanh nghiệp.
- Hội thảo chuyên đề năm 2020 “Chia sẻ kinh nghiệm trong đầu tư và ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, vận hành nhà máy nước”.

Công ty đã cử CB.CNV tham dự tập huấn, đào tạo: 13 khóa nghiệp vụ với 192 lượt người như sau:

- Cập nhật chính sách tiền lương, Hợp đồng lao động, Bảo hiểm xã hội và tiền lương đóng Bảo hiểm xã hội doanh nghiệp năm 2020. Sai phạm doanh nghiệp cần tránh, giải pháp xử lý hiệu quả.
- Kiểm định viên đồng hồ nước lạnh
- Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả và bí quyết tạo động lực cho đội ngũ.
- Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.
- Chương trình PLC căn bản tới nâng cao; Mạng truyền thông công nghiệp.
- Kiểm toán nội bộ thực hành cơ bản và nâng cao.
- Các phương pháp thống kê ứng dụng kiểm soát đánh giá kết quả phân tích trong phòng thí nghiệm hóa học.
- Phân tích các chỉ tiêu hóa lý đánh giá chất lượng nước uống và nước sinh hoạt.
- Kỹ năng bán hàng chuyên nghiệp.
- Phối hợp với Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi tổ chức thực hiện các thủ tục nhập học lớp Cao đẳng chuyên ngành Cấp thoát nước cho 45 học viên.



Về lương, thưởng

Chính sách lương, thưởng phù hợp kích thích tinh thần làm việc của người lao động, khuyến khích họ làm việc hăng say hơn. Tin vào điều trên, Ban điều hành Công ty đã đưa ra chính sách lương, thưởng dựa trên vị trí công việc tương ứng với năng lực, trách nhiệm của mỗi người lao động. Việc này có tác dụng không chỉ đảm bảo sự công bằng giữa CBCNV với nhau, tạo động lực cho người lao động phát huy năng lực, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của công việc mà còn chứng minh rằng mỗi đóng góp vào thành quả chung của Công ty. Theo đó, tất cả các đóng góp của người lao động đều được chúng tôi ghi nhận và đổi lấy những lợi ích xứng đáng nhận được. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện việc chi trả phụ cấp làm đêm và lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động 2012 và tiếp tục triển khai cho năm 2021 theo đúng Bộ luật Lao động 2019 có hiệu lực từ 01/01/2021. Bên cạnh các chi trả mang tính vật chất, Công ty cũng thường xuyên tổ chức khen thưởng, tuyên dương các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong quá trình lao động sản xuất kinh doanh. Các văn bản về chính sách lương thưởng của Công ty trong năm 2020:

- Quy chế Chi tiêu nội được ban hành theo Quyết định số 27/QĐ-HĐQT ngày 30/5/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.



Về phúc lợi, đãi ngộ

- Người sử dụng lao động tại Công ty đã thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã ký kết với đại diện tập thể lao động theo Thỏa ước lao động tập thể 2019-2021.
- Công ty thực hiện trích nộp đầy đủ các quỹ bảo hiểm cho người lao động. Một số chính sách phúc lợi cho người lao động đã thực hiện như: Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm; trang bị bảo hộ lao động cho người lao động trực tiếp sản xuất; người lao động được hưởng các chế độ phúc lợi như nghỉ việc riêng được hưởng nguyên lương khi kết hôn, con kết hôn, gia đình có việ hiếu, việc hỷ; người lao động được hưởng các khoản trợ cấp khi nghỉ hưu, hết tuổi lao động, có tang gia ...
- Công ty định kỳ tổ chức các hoạt động thể dục thể thao nhằm tạo không khí thi đua sôi nổi, rèn luyện sức khỏe để phục vụ sản xuất. Sử dụng các nguồn quỹ hiện có để tặng quà cho người lao động và con người lao động trong các dịp Lễ, Tết.





Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2):

Mục đích dự án: Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất, sinh hoạt của các khu công nghiệp, khu dân cư từ thành phố Biên Hòa đến các đô thị và khu công nghiệp thuộc các huyện Long Thành và Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Quy mô: Nâng công suất của Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch thêm 100.000m³/ngày.

Thời gian thực hiện: 2015-2021.

Tình hình thực hiện: Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế chi tiết và trình Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ. Hoàn thành công tác thẩm tra và phê duyệt chi phí thẩm tra dự toán phát sinh (khảo sát xây dựng bổ sung và chi phí tư vấn thiết kế cho dàn cào bùn).

Tổng mức đầu tư: 3.567.712.000.000 đồng.



Hệ thống cấp nước xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu

Mục đích dự án: Đáp ứng nhu cầu dùng nước của dân cư sống dọc theo đường ĐT768 và các hẻm đông dân cư dọc đường ĐT768 khu vực xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Quy mô đầu tư: Xây dựng mạng lưới đường ống chuyển tải và phân phối hai bên dọc đường TL768 và một số tuyến hẻm nhánh trên các tuyến đường gồm khoảng 20.801m ống và các phụ tùng trên tuyến với 2 hạng mục xây lắp sau:

- Hạng mục 1: Tuyến ống đã thi công hoàn thành và nghiệm thu đưa vào sử dụng vào tháng 7/2018.

- Hạng mục 2 - Hạng mục điều chỉnh: Tuyến ống đường ĐT768 và các đường nhánh với tổng chiều dài 11.067m, bao gồm các loại ống HDPE OD180-125-90-25 và các phụ kiện.

Thời gian thực hiện: Năm 2012 - 2020.

Tổng mức đầu tư: 52.283.971.498 đồng.

Nguồn vốn đầu tư cho dự án: Nguồn vốn hợp pháp và vốn vay thương mại của Công ty.

Nâng công suất Nhà máy nước Gia Ray từ 7.000m³/ngày lên 15.000m³/ngày

Mục đích dự án: Nhằm bổ sung nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu dùng nước theo từng giai đoạn phát triển cho nhân dân thị trấn Gia Ray và các xã Xuân Hiệp, Suối Cát, Xuân Trường thuộc huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Quy mô đầu tư: Xây dựng mới công trình xử lý nước 8.000m³/ngày để nâng công suất Nhà máy nước Gia Ray từ 7.000m³/ngày lên 15.000m³/ngày.

Thời gian thực hiện: năm 2017 – 2020.

Tổng mức đầu tư: 29.566.489.495 đồng.

Nguồn vốn đầu tư cho dự án: Vốn hợp pháp của Công ty và vốn vay thương mại.

Hệ thống cấp nước 3 xã Bình Lợi, Bình Hòa, Tân Bình huyện Vĩnh Cửu

Mục đích dự án: Việc đầu tư xây dựng các tuyến ống cấp nước cho 03 xã Bình Hòa, Tân Bình, Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai sẽ phát huy hiệu quả của các dự án đã đầu tư trước đây, đồng thời để cấp nước an toàn (tạo ra mạng vòng cấp nước giữa các nhà máy nước Tiệt Tân – Vĩnh Cửu – Biên Hòa). Dự án sẽ cung cấp đủ lưu lượng nước cho các nhu cầu sử dụng của nhân dân các xã Bình Hòa, Tân Bình và một phần xã Bình Lợi (các khu dân cư dọc Hương lộ 15).



Quy mô đầu tư: Xây dựng mạng lưới đường ống chuyển tải và phân phối hai bên dọc đường ĐT768 và Hương lộ 15 gồm khoảng 14.585m ống các loại và các phụ tùng, thiết bị trên tuyến gồm các loại ống HDPE OD400-OD280-OD110-OD63, ống thép D250 và ống thép D100.

Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2020.

Tổng mức đầu tư: 27.114.793.196 đồng.

Nguồn vốn đầu tư cho dự án: Vốn tự có của Công ty và vốn vay thương mại.

Lắp đặt bổ sung Máy bơm nước thô tại Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú

Tình hình thực hiện: Tổng Công ty Sonadezi đã có Văn bản số 495/SNZ-DAKD ngày 10/9/2019 chấp thuận chủ trương đầu tư Lắp đặt bổ sung Máy bơm nước thô tại CNCN Thạnh Phú để đảm bảo cấp nước an toàn, hiệu quả và thuận tiện trong quản lý vận hành, bảo trì, sửa chữa cho HTCNTiệt Tân I + II và HTCNT Nhơn Trạch I.

Nhà điều hành và trạm bơm tăng áp Long Thành

Mục đích dự án dự kiến: Việc đầu tư xây dựng nhà điều hành nhằm tạo cơ sở vật chất cho cán bộ, nhân viên của Chi nhánh Cấp nước Long Thành.

Quy mô đầu tư dự kiến: Xây dựng nhà điều hành cho Chi nhánh Cấp nước Long Thành.

Thời gian thực hiện: Năm 2019 – 2020.

Tổng mức đầu tư dự kiến: 9.028.371.000 đồng.

Nguồn vốn đầu tư cho dự án: Vốn tự có của Công ty và vốn vay thương mại.



Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Cải tạo Hệ thống dàn cào bùn bể lắng 1 và bể lắng 2 thuộc Chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch

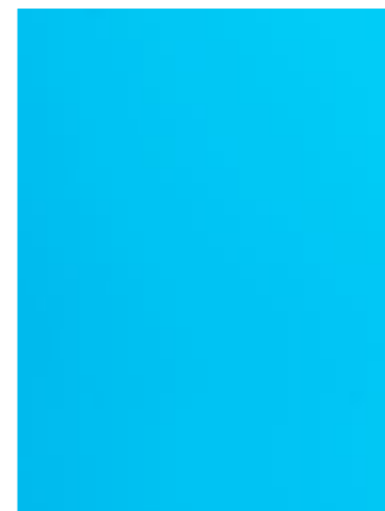
Tình hình thực hiện: Cải tạo Hệ thống dàn cào bùn bể lắng 1 và bể lắng 2 thuộc Chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch (cho cả 2 đơn nguyên, 12 ngăn bể) do bị hư hỏng và lựa chọn thay thế bằng dàn cào bùn tương tự như của Hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn II. Hiện Đơn vị Tư vấn đã khảo sát thực tế hiện trường, lập và gửi Chủ đầu tư thiết kế sơ bộ và tổng mức đầu tư Xây dựng. Các phòng ban trong công ty đã có ý kiến đóng góp cho phương án thiết kế sơ bộ và khái toán chi phí.

Một số dự án được triển khai trong năm 2021:

- Dự án Hệ thống cấp nước xã Quảng Tiến, huyện Trảng Bom.
- Dự án Nâng công suất Nhà máy nước Vĩnh An từ 4.000m³/ngày lên 12.000m³/ngày.
- Dự án Tuyến ống chuyển tải D400, D300 dọc Quốc lộ 1 từ KCN Bàu Xéo đến ngã 3 Dầu Giây.
- Dự án Hệ thống cấp nước Xuân Thành, huyện Xuân Lộc.
- Dự án Tuyến ống từ Trạm bơm Gia Ray đến Trạm bơm Tâm Hưng Hòa.
- Dự án Hệ thống cấp nước xã Lộc An, huyện Long Thành.
- Dự án TOCN đường ĐT 769 cho các khu Quy hoạch xã Bình Sơn + xây dựng Trạm bơm tăng áp.
- Dự án Lắp đặt TOCN ĐT 768 từ cầu Rạch Đông đến đường cộ Cây Xoài, KCN Tân An, huyện Vĩnh Cửu.
- Dự án TOCN D355 HDPE đường QL51 cấp tăng cường cho phường Long Bình Tân.
- Dự án Cải tạo tuyến ống dọc 02 bên đường Phạm Văn Thuận, thành phố Biên Hòa.
- Dự án Cải tạo, thay thế tuyến 477 cấp điện cho CNCN Thiện Tân, Nhơn Trạch, Thạnh Phú.
- Dự án Hệ thống cấp nước huyện Cẩm Mỹ.



“Nước sạch cho cuộc sống xanh”





Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	%2020/2019
1	Tổng giá trị tài sản	3.680.176	3.549.473	96,45%
2	Doanh thu thuần	1.072.289	1.115.640	104,04%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	180.094	167.777	93,16%
4	Lợi nhuận khác	3.617	4.614	127,57%
5	Lợi nhuận trước thuế	183.711	172.390	93,84%
6	Lợi nhuận sau thuế	171.944	161.823	94,11%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,40	0,49
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,33	0,43
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	60,56	57,97
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	153,54	137,90
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	16,05	16,29
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,29	0,31
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	16,04	14,50
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	12,13	11,00
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,59	4,48
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	16,80	15,04

Tình hình tài chính

Cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn của Dowaco trong năm 2020 không có quá nhiều khác biệt so với năm 2019. Hệ số nợ trên tổng tài sản giảm nhẹ từ 60,56% còn 57,97%. Theo đó, Công ty đã ghi nhận mức sụt giảm 7,68% từ nợ phải trả, chủ yếu là do các khoản nợ vay tài chính dài hạn phục vụ cho đầu tư xây dựng, mở rộng các dự án hệ thống cấp nước, đặc biệt là các khoản vay bằng vốn ODA với Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Bên cạnh đó, tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu đã giảm đáng kể từ 153,54% xuống còn 137,90% so với năm 2019. Lý do cũng được xuất phát từ khoản giảm của nợ phải trả trong khi vốn chủ sở không tăng quá nhiều. Nhìn chung, xu hướng của cơ cấu vốn sẽ tiếp tục giảm do đa phần các dự án đều hoặc đến các giai đoạn cuối cùng, hoặc đã được hoàn thành, và Công ty thực hiện hoàn trả dần các nợ vay gốc trong các năm tiếp theo.

Năng lực hoạt động

Công tác quản trị hàng tồn kho năm 2020 đã có những hiệu quả nhất định khi so sánh với năm 2019, được phản ánh thông qua hệ số vòng quay hàng tồn kho. Cụ thể, vòng quay hàng tồn kho đã tăng nhẹ từ 16,05 vòng lên 16,29 vòng. Công ty đã quản trị tốt chi phí đầu vào cũng như đảm bảo duy trì lượng khách hàng sử dụng sản phẩm, dịch vụ của Công ty trên địa bàn tỉnh đồng thời thắt chặt quản lý hàng tồn kho và các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang góp phần làm giảm 5.123 triệu đồng giá trị hàng tồn kho.

Tương tự hệ số vòng quay hàng tồn kho, số vòng quay tổng tài sản của Công ty cũng đã tăng nhẹ từ 0,29 vòng ở năm 2019 lên 0,31 vòng ở năm 2020. Nguyên nhân đến từ mức tăng 4,04% của doanh thu và sự giảm nhẹ trong tổng tài sản chủ yếu từ hoạt động trích khấu hao. Kỳ vọng trong năm 2021 và tương lai, khi các dự án Hệ thống cấp nước được đưa vào hoạt động ổn định, Công ty tin rằng hệ số vòng quay tổng tài sản sẽ được gia tăng, góp phần nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty.

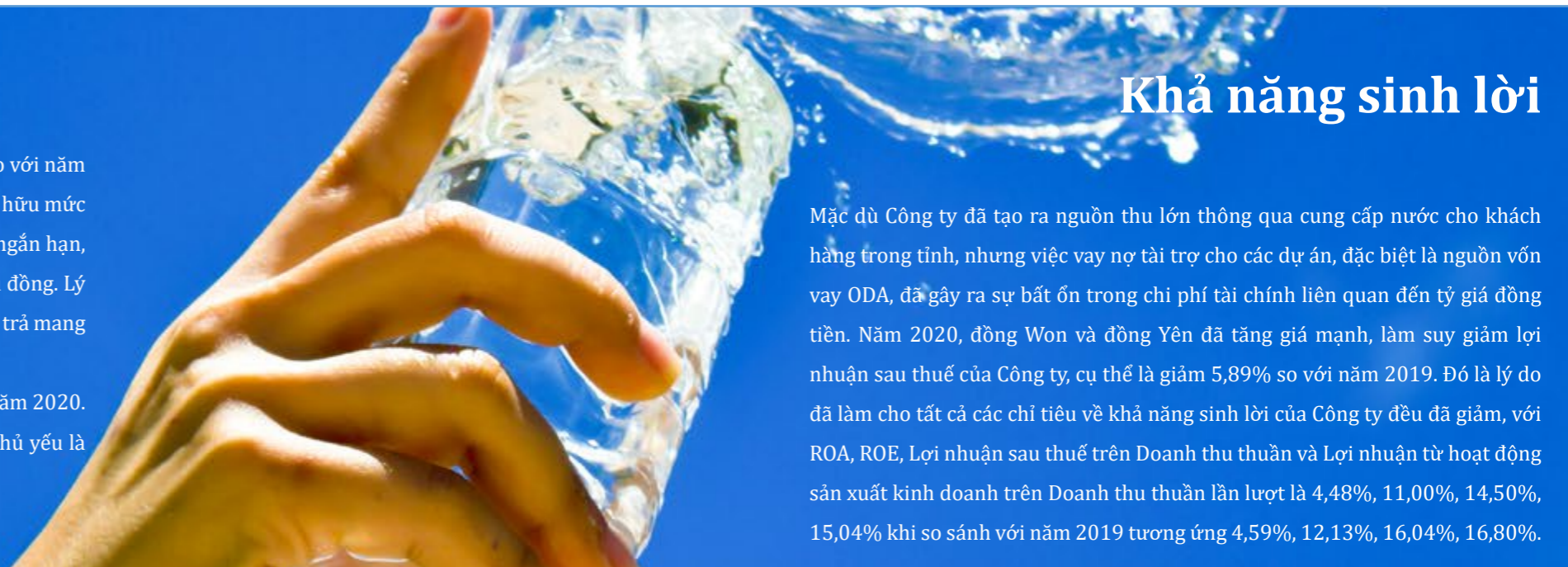
Khả năng thanh toán

Công ty trong năm 2020 đã ghi nhận một sự cải thiện nhẹ của các chỉ tiêu về khả năng thanh toán so với năm 2019. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,40 lần lên 0,49 lần. Tài sản ngắn hạn năm 2020 sở hữu mức tăng 20,75%, trong khi nợ ngắn hạn không có chênh lệch quá lớn so với năm trước. Trong tài sản ngắn hạn, tiền và tương đương tiền là khoản mục có đóng góp nhiều nhất cho mức tăng này, với 49.449 triệu đồng. Lý giải cho điều đó, hiệu quả từ việc cải thiện chính sách quản trị hàng tồn kho, các khoản phải thu phải trả mang lại lượng lớn tiền cho Công ty.

Bên cạnh đó, Hệ số thanh toán nhanh cũng ghi nhận tăng, từ 0,33 lần ở năm 2019 lên 0,43 lần cho năm 2020. Nguyên nhân bên cạnh lượng tiền và tương đương tiền lớn, Công ty duy trì lượng hàng tồn kho, chủ yếu là nguyên vật liệu, ở mức khá thấp trong cơ cấu tài sản ngắn hạn.

Khả năng sinh lời

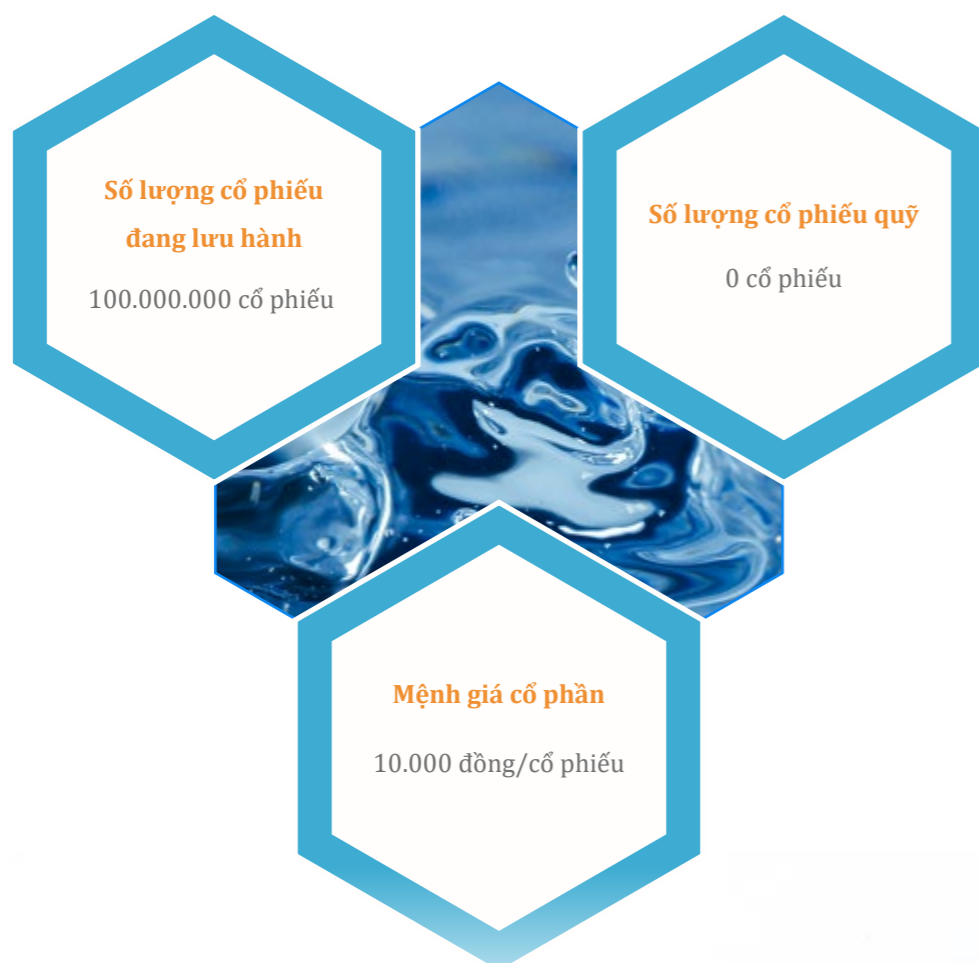
Mặc dù Công ty đã tạo ra nguồn thu lớn thông qua cung cấp nước cho khách hàng trong tỉnh, nhưng việc vay nợ tài trợ cho các dự án, đặc biệt là nguồn vốn vay ODA, đã gây ra sự bất ổn trong chi phí tài chính liên quan đến tỷ giá đồng tiền. Năm 2020, đồng Won và đồng Yên đã tăng giá mạnh, làm suy giảm lợi nhuận sau thuế của Công ty, cụ thể là giảm 5,89% so với năm 2019. Đó là lý do đã làm cho tất cả các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đều đã giảm, với ROA, ROE, Lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần và Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên Doanh thu thuần lần lượt là 4,48%, 11,00%, 14,50%, 15,04% khi so sánh với năm 2019 tương ứng 4,59%, 12,13%, 16,04%, 16,80%.





Cơ cấu cổ đông

Thông tin cổ phiếu



Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	684	99.958.400	999.584.000.000	99,96%
1	Cổ đông nhà nước	1	63.989.100	639.891.000.000	63,99%
2	Cổ đông tổ chức	3	30.284.933	302.849.330.000	30,28%
3	Cổ đông cá nhân	680	5.684.367	56.843.670.000	5,68%
II	Cổ đông nước ngoài	6	41.600	416.000.000	0,04%
1	Cá nhân	3	34.000	340.000.000	0,03%
2	Tổ chức	3	7.600	76.000.000	0,01%
III	Cổ phiếu quỹ				0,00%
Tổng cộng		690	100.000.000	1.000.000.000.000	100%

Danh sách cổ đông lớn

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	63.989.100	639.891.000.000	63,99%
Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	Số 11, Ngô Văn Trị, P. Phú Lợi, Thủ Dầu Một, Bình Dương	17.700.000	177.000.000.000	17,70%
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	Số 11B, Ngô Văn Trị, P. Phú Lợi, Thủ Dầu Một, Bình Dương.	12.060.833	120.608.330.000	12,06%



Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Công tác xử lý nguồn nước đòi hỏi Công ty phải sử dụng một số loại hóa chất như Clo, phèn, vôi, ... để tạo ra nguồn nước đảm bảo tiêu chuẩn cung cấp cho khách hàng. Về cơ bản, đây là những hóa chất thông dụng, nhưng vẫn được phải được bảo quản đúng cách, không gây lãng phí cho Công ty. DOWACO có một nhà kho riêng biệt cho các hóa chất này với các điều kiện bảo quản được duy trì tốt nhất và thực hiện các kiểm tra, thay thế định kỳ các vật chứa không còn đảm bảo cho việc bảo quản, hư hỏng.
- Về sản phẩm nước đóng chai mới của Công ty: Công ty sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường, có thể tái chế được. DOWACO lựa chọn đối tác cung cấp vỏ chai, bao bì đảm bảo chất lượng, tránh các sản phẩm kém chất lượng, có khả năng gây hại cho sức khỏe khách hàng và môi trường sống.

Tiêu thụ năng lượng

Nguồn năng lượng chủ yếu phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh là điện năng. Điện năng được dùng trong việc vận hành các nhà máy nước và khu vực văn phòng.

- Đối với khu vực nhà máy nước, trước khi thực hiện khai thác và kinh doanh, Dowaco luôn lên kế hoạch, sử dụng nguồn năng lượng hợp lý. Công ty cũng định kỳ kiểm tra các máy móc thiết bị, các máy bơm, tiến hành sửa chữa các hỏng hóc, thay thế khi nhận thấy đã quá cũ, lạc hậu hoặc tiêu thụ quá nhiều năng lượng so với các thiết bị đang có trên thị trường.
- Khu vực văn phòng được Công ty lắp đặt các trang thiết bị tiết kiệm điện năng, thân thiện với môi trường. Nguồn điện năng tiêu thụ ngoài nguồn điện từ hệ thống điện quốc gia, Công ty còn sử dụng điện từ hệ thống năng lượng mặt trời với công suất 32KWP, giảm áp lực lên mạng lưới điện quốc gia vào các giờ cao điểm. Bên cạnh đó, Công ty chủ trương khuyến khích toàn thể cán bộ công nhân viên thực hành tiết kiệm trong sản xuất và đời sống.

Tiêu thụ nước

Nước chính là đối tượng sản xuất kinh doanh chính của Công ty, đóng vai trò là nguồn nguyên liệu đầu vào cũng như sản phẩm đầu ra. Nguồn nước được lấy chủ yếu từ nguồn nước từ sông Đồng Nai, hồ Trị An, hồ Gia Ui, các mạch nước ngầm, ... thông qua các biện pháp kỹ thuật mang lại nguồn nước sản phẩm đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chất lượng như QCVN 02:2009/BYT cho khách hàng và người dân. Công ty cũng đưa ra chính sách tiêu thụ tối ưu nguồn nước ở các nhà máy và khu văn phòng, như là một hành động đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Với trách nhiệm của một công ty chuyên về cung cấp và xử lý nước, Công ty cam kết sẽ mang lại cho khách hàng nguồn nước sạch, đảm bảo chất lượng được Nhà nước quy định. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng việc quản lý nguồn nguyên vật liệu, hóa chất, không để xảy ra tình trạng rò rỉ, thất thoát ra ngoài môi trường tạo ra những tác động xấu đến môi trường xung quanh. Dowaco cũng tiến hành lập các báo cáo đánh giá tác động môi trường hàng năm, theo dõi công nghệ sản xuất nước sạch đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn môi trường.

Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty mang đến cơ hội việc làm bền vững cho người lao động, xây dựng môi trường làm việc năng động, an toàn cho nhân viên. Dowaco đã, đang và tiếp tục thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với người lao động dựa trên các quy định của pháp luật, và theo Thỏa ước lao động tập thể. Qua đó, thu nhập của người lao động được cải thiện qua từng năm, khuyến khích tinh thần hăng say làm việc, gắn bó cùng Công ty. Đồng hành với đó là việc đẩy mạnh các công tác đoàn thể, tuyên dương khen thưởng, chăm lo công việc và đời sống của các nhân viên, từ đó, sức khỏe tinh thần của mỗi cá nhân được cải thiện, nâng cao và đảm bảo mục tiêu phát triển nguồn nhân lực.






Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Là một bộ phận của xã hội, Công ty có một phần trách nhiệm cải thiện, phát triển cộng đồng địa phương. Các dự án của Công ty mang đến nguồn nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt cho khu vực, đảm bảo người dân có thể tiếp cận với nguồn nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho cộng đồng. Bên cạnh đó, các dự án mở rộng, xây mới các hệ thống cấp nước tạo ra việc làm cho địa phương, góp phần nâng cao đời sống kinh tế xã hội của địa phương. Trong năm, Công ty còn thực hiện đóng góp ủng hộ đồng bào chịu thiên tai bão lụt các tỉnh miền Trung, đóng góp quỹ "Vì người nghèo, nạn nhân chất độc màu da cam", giúp đỡ tài trợ những gia đình khó khăn, gia đình liệt sỹ, các bà mẹ Việt Nam anh hùng



PHẦN III

Báo cáo của Ban Giám đốc

	Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh	41
	Tình hình tài chính	43
	Những cải tiến trong năm	45
	Kế hoạch phát triển trong tương lai	46
	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	47



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Thuận lợi

- Nền kinh tế ghi nhận tốc độ tăng trưởng hàng đầu thế giới, lạm phát được kiểm soát tốt cùng với lãi suất cho vay ở mức thấp có tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Sự chuyển dịch hoạt động của các công ty, nhà máy, nhà xưởng khỏi Trung Quốc vào Việt Nam được xúc tiến trong bối cảnh kinh tế thế giới năm 2020, cũng như sự gia tăng nguồn vốn cho đầu tư công của Chính phủ.
- Nước cung cấp cho sinh hoạt và sản xuất là những sản phẩm thiết yếu đối với xã hội, nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng gia tăng khi làn sóng di cư vào khu vực vùng ven các thành phố lớn – nơi tập trung nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất.
- Công ty được nhận được sự chỉ đạo, quan tâm sâu sắc từ UBND tỉnh Đồng Nai. Các Sở, Ban ngành của tỉnh cũng như Tổng Công ty Sonadezi đã tạo mọi điều kiện để Công ty có thể phát triển, mở rộng hoạt động tại địa bàn tỉnh.
- Các cải tiến khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin được ứng dụng vào quản lý, sản xuất, để từ đó, các nguồn lực của Công ty được sử dụng, phân bổ hợp lý hơn, nâng cao năng suất, hiệu quả làm việc của Công ty.
- Hầu hết các dự án đầu tư xây mới hoặc nâng cấp công suất đều đã được hoàn thành trước và trong năm 2020 làm gia tăng khả năng sản xuất cũng như cung cấp nước đến các khu công nghiệp, các hộ dân trên địa bàn tỉnh.

Khó khăn

- Tỷ giá các đồng ngoại tệ cho các khoản vốn vay ODA của Công ty đã biến động mạnh trong năm 2020, cùng với các khoản vay thương mại của các ngân hàng trong nước buộc Công ty phải tính toán, cân đối, và đề ra các giải pháp thực hiện nhằm làm giảm các áp lực đến từ lãi vay và trả nợ gốc.
- Tốc độ triển khai hệ thống cấp nước đến khu vực vùng sâu vùng xa trên địa bàn tỉnh vẫn đang trong quá trình nghiên cứu. Nguyên nhân một phần do sự chưa đồng bộ trong phát triển cơ sở hạ tầng, tốc độ đô thị hóa khác nhau giữa các khu vực cũng như là việc Công ty khó tiếp cận đến các chính sách hỗ trợ đầu tư cho nông thôn và nguồn lực hạn hẹp của Công ty.
- Giá nước máy hiện nay đang áp dụng được xây dựng trên mặt bằng giá năm 2014, trong khi giá nguyên vật liệu đầu vào luôn biến động qua các năm, gây áp lực lên quá trình vận hành sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Việc mở rộng hệ thống đường ống trên toàn khu vực, kết nối đến vùng sâu vùng xa bắt buộc phải tăng áp lực nước trên toàn tuyến. Điều này có thể gây ra hiện tượng xì, vỡ ống dẫn nước đã cũ, làm gia tăng tỷ lệ thất thoát nước.
- Một số khu vực trong tỉnh vẫn còn tình trạng tự khoan giếng ngầm, vừa gây sụt giảm lượng nước đầu vào của Công ty, vừa gây ảnh hưởng đến môi trường.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

Công ty mẹ		Hợp nhất	
Sản lượng nước sản xuất	130.221.879 m ³ đạt 100% kế hoạch năm 2020.	Tổng doanh thu:	1.128.431 triệu đồng, tăng 3,91% so với năm 2019.
Sản lượng nước ghi thu	104.653.814 m ³ đạt 97,93% kế hoạch năm 2020.	Doanh thu thuần:	1.115.640 triệu đồng, tăng 4,04% so với năm 2019.
Tổng doanh thu	1.003.527 triệu đồng, đạt 104,64% kế hoạch năm 2020.	Lợi nhuận sau thuế:	161.823 triệu đồng, giảm 5,89% so với năm 2019.
Lợi nhuận sau thuế (*)	233.701 triệu đồng, đạt 137,47% kế hoạch năm 2020.		
Nộp ngân sách	89.546 triệu đồng		

* Đã loại trừ ảnh hưởng từ chênh lệch tỷ giá





Tình hình tài chính

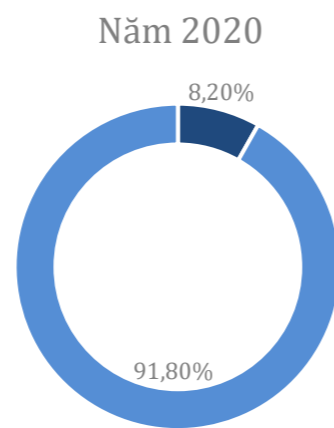
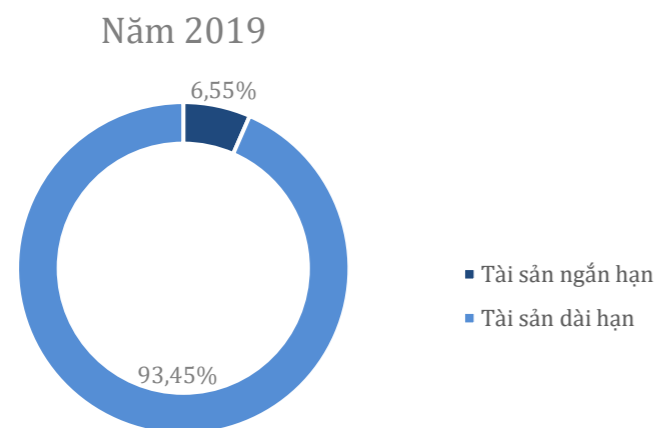
Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	240.963	6,55%	290.974	8,20%
Tài sản dài hạn	3.439.213	93,45%	3.258.499	91,80%
Tổng tài sản	3.680.176	100%	3.549.473	100%

Cơ cấu tổng tài sản của Công ty năm 2020 vẫn thể hiện nét đặc trưng của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành cấp nước, với đa phần tổng tài sản là tài sản dài hạn, tài sản ngắn hạn chỉ chiếm 8,20% giá trị. Giá trị tài sản ngắn hạn tại thời điểm cuối năm đạt 290.974 triệu đồng, tăng 20,75% so với năm 2019. Nguyên nhân cho sự thay đổi trên chủ yếu đến từ số lượng tiền và tương đương tiền của Công ty đã tăng 49.449 triệu đồng. Cụ thể, năm 2020, Công ty đã triển khai thực hiện các biện pháp nhằm đem lại những cải thiện cho hoạt động quản trị sản xuất kinh doanh, trong đó, các khoản phải thu, đặc biệt là các khoản phải thu từ khách hàng đã được thu hồi, chỉ còn 46.545 triệu đồng so với 53.720 triệu đồng của năm 2019. Bên cạnh đó, Công ty ghi nhận khoản tiền chi cho hoạt động

đầu tư trong năm 2020 đã giảm đáng kể so với năm 2019 do hầu hết các dự án hiện có của Công ty đã được hoàn thành và bàn giao, đồng thời, Công ty có nguồn thu từ việc tất toán số tiền gửi có kỳ hạn, mang lại 71.500 triệu đồng, góp phần cải thiện sự ổn định của dòng tiền trong Công ty. Trong khi đó, tài sản dài hạn Dowaco trong năm 2020 đã giảm 180.714 triệu đồng, giảm 5,25% so với năm 2019, đạt giá trị 3.258.499 triệu đồng. Tuy vậy, tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản với tỷ lệ 91,80%. Phần lớn giá trị tài sản dài hạn đến từ các tài sản cố định như các nhà máy, hệ thống truyền dẫn,... Sự sụt giảm này chủ yếu đến từ việc trích khấu hao các tài sản cố định trong quá trình phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cho Công ty.



Tình hình nợ phải trả

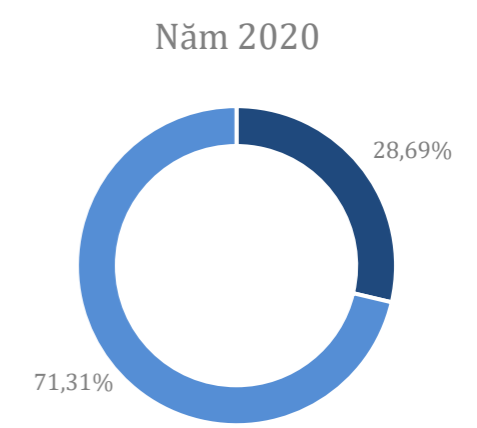
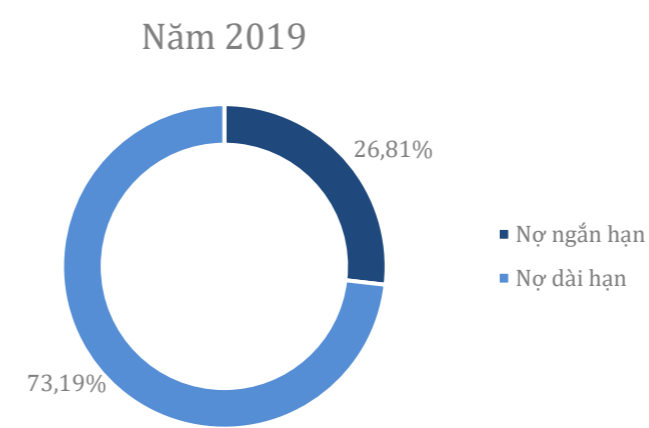
ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	597.606	26,81%	590.357	28,69%
Nợ dài hạn	1.631.027	73,19%	1.467.113	71,31%
Tổng nợ phải trả	2.228.632	100%	2.057.470	100%

Các khoản nợ của Công ty vẫn được thể hiện chủ yếu thông qua các khoản vay tài chính tài trợ cho hoạt động đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Nhìn chung, cơ cấu nợ phải trả của Dowaco năm 2020 không có quá nhiều thay đổi khi so sánh với năm 2019 với giá trị năm 2020 sụt giảm 7,68%, từ 2.228.632 triệu đồng còn 2.057.470 triệu đồng. Trong đó, nợ ngắn hạn năm 2020 chiếm 28,69% nợ phải trả, tương ứng 590.357 triệu đồng. Theo đó, giá trị nợ ngắn hạn đã không có sự thay đổi quá lớn so với năm 2019 khi sự thay đổi của các khoản mục thành phần đã bù trừ với nhau. Cụ thể, các khoản vay ngắn hạn và tới hạn của Công ty đã giảm 32.760 triệu đồng, và khoản mục người mua trả tiền trước giảm 24.890 triệu đồng. Bên cạnh đó, Công ty cũng ghi nhận tăng 21.556 triệu đồng các khoản phải trả cho người lao động theo xu hướng từ năm 2018 do mở rộng quy mô sản xuất, mạng lưới khách hàng khắp toàn

tỉnh Đồng Nai đồng thời tăng quỹ lương thực hiện năm 2020 cho người lao động.

Đối với nợ dài hạn, Công ty ghi nhận sụt 163.914 triệu đồng giá trị, tương ứng 10,05%, chủ yếu đến từ việc thực hiện chi trả các khoản vay cho các dự án trong năm. Cụ thể, nợ dài hạn năm 2020 là 1.467.113 triệu đồng, trong đó, chiếm 82,56% giá trị là khoản vay ODA của Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai là 1.205.639 triệu đồng, với mức lãi suất thấp 1,3%-3,53%/năm. Theo đó, mặc dù được hưởng mức lãi suất cho vay khá thấp, nhưng, Công ty phải chịu nhiều các áp lực liên quan rủi ro tỷ giá, gây sức ép lên tình hình hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp. Điều này đòi hỏi Ban điều hành phải luôn theo dõi, đưa ra các biện pháp ứng phó trước những biến động trong tỷ giá ngoại tệ, đảm bảo đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ về lãi vay cũng như hoàn trả nợ gốc.





Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Ban Giám đốc và các phòng ban đã xây dựng, cải tiến các thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian của cả khách hàng lẫn nhân viên công ty cho công tác xử lý hồ sơ, từ đó cải thiện trải nghiệm khách hàng.

Công ty đã nghiên cứu, ứng dụng các cải tiến về công nghệ thông tin, công cụ quản trị mới vào hoạt động sản xuất công ty như lắp đặt các hệ thống giám sát, các cảm biến quan trắc, cải thiện hiệu suất làm việc của Công ty, hướng đến hoàn thành các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đặt ra.

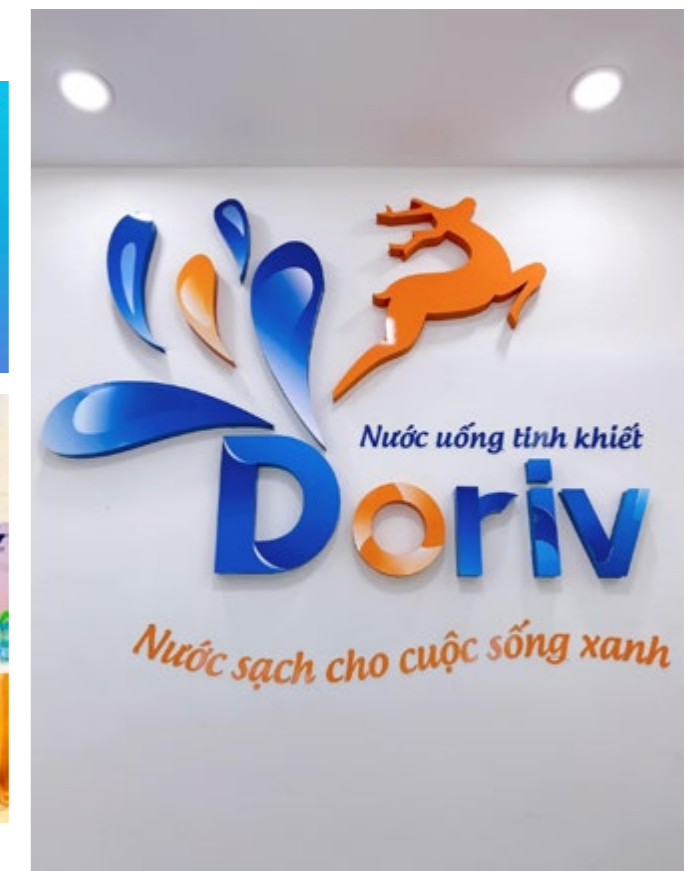
Công ty đã đưa ra thị trường sản phẩm nước uống tinh khiết đóng chai "DORIV", đa dạng các sản phẩm, dịch vụ của Công ty trên thị trường. Đây là một nỗ lực mang đến cho khách hàng sản phẩm chất lượng và tiện ích, đồng thời cổ vũ xu hướng tiêu dùng xanh và góp phần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, nguồn nước. Qua đó, Công ty nhấn mạnh chiến lược gắn với slogan "Nước sạch cho cuộc sống xanh".



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 (Công ty mẹ)

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	1.030.000
	- Doanh thu kinh doanh nước	Tr.đồng	975.000
	- Doanh thu dịch vụ lắp đặt	Tr.đồng	37.000
	- Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đồng	12.000
	- Doanh thu nước uống Doriv	Tr.đồng	1.000
	- Doanh thu khác	Tr.đồng	5.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	250.000
	- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tr.đồng	250.000
	- Chênh lệch tỷ giá	Tr.đồng	-
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	237.500
	- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tr.đồng	237.500
	- Chênh lệch tỷ giá	Tr.đồng	-
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn	%	21,57
5	Các khoản nộp ngân sách nhà nước	Tr.đồng	90.000
6	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.đồng	320.000





Biện pháp triển khai thực hiện

Tăng cường công tác tuyên truyền các biện pháp giáo dục ý thức trách nhiệm nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty với mục tiêu nâng cao thương hiệu, hướng tới khách hàng, vì khách hàng phục vụ. Thực hiện có hiệu quả việc sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý mạng lưới, vận hành, giám sát hoạt động sản xuất tại các nhà máy.

Thực hiện từng bước tự động hóa trong sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng suất lao động.

Thực hiện các biện pháp quản trị nguồn nhân lực phù hợp

Tiếp tục công tác đào tạo cho Cán bộ công nhân viên phù hợp với sự phát triển của Công ty

Tiếp tục áp dụng các biện pháp quản trị chi phí

Đẩy mạnh công tác chống thất thoát nước: Tiếp tục thực hiện phân vùng để theo dõi giám sát, rà soát và cập nhật lại hệ thống theo từng phường, từng DMA thực hiện triệt để để có cơ sở quản lý và giảm tỷ lệ thất thoát nước trong các năm tới

Tăng cường công tác phát triển khách hàng tại các khu vực do Nhà máy nước Vĩnh Cửu 15.000m³/ngày và dự án Hệ thống cấp nước Thiện Tân (giai đoạn 2) cung cấp; Khu vực huyện Long Thành; các khu vực địa bàn 6 xã lên phường (Hiệp Hòa, Hóa An, Tân Hạnh, An Hòa, Phước Tân, Tam Phước)

Đối với các dự án vốn vay thương mại và vốn khác: Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra nhằm đảm bảo phát huy tối đa công suất cấp nước của các nhà máy, góp phần tăng doanh thu, chiếm lĩnh được thị trường, giảm áp lực cạnh tranh từ các nhà đầu tư khác đồng thời đảm bảo đúng các quy định, thủ tục trong đầu tư xây dựng cơ bản.

Đối với các dự án xin vốn vay hỗ trợ cấp nước nông thôn: Thực hiện các thủ tục, hồ sơ khi có văn bản yêu cầu của cấp trên về việc hỗ trợ nguồn vốn theo quy định.

Tiếp tục và không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty, cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong việc thực hiện quản lý mạng lưới cấp nước và giảm thiểu các thủ tục hành chính và thời gian cho khách hàng.

Ban Bảo vệ, các phòng ban, đơn vị, chi nhánh trực thuộc tăng cường việc giám sát, thực hiện nghiêm túc lịch trực lãnh đạo, bảo vệ, vận hành, sửa chữa đảm bảo tuyệt đối an ninh nguồn nước, bảo vệ tài sản. Đề cao cảnh giác và trách nhiệm trong việc thực thi nhiệm vụ, có phương án xử lý các tình huống xảy ra (nếu có). Thường xuyên nhắc nhở ý thức tuân thủ nội quy làm việc tại Công ty cho CB.CNV





Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Trong năm, DOWACO đã đảm bảo được việc thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các tiêu chí liên quan đến bảo vệ môi trường. Các quy định về xử lý chất thải, nước thải đều được tuân thủ thực hiện. Các cán bộ công nhân viên được yêu cầu giữ gìn vệ sinh chung, tạo nên lối sống văn minh, không gian trong lành, sạch sẽ trong Công ty. Đồng thời đó, Công ty thực hiện tuyên truyền, lan tỏa tinh thần tiết kiệm đến toàn bộ cán bộ nhân viên, sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty đã và đang giải quyết vấn đề việc làm cho hàng trăm người trong tỉnh. Mỗi cán bộ công nhân viên đều đảm bảo về quyền lợi và trách nhiệm của mình đối với Công ty và xã hội. DOWACO đã tạo ra môi trường được xem là tốt nhất, phù hợp nhất để mỗi cá nhân phát huy được năng lực bản thân, đóng góp một phần sức lực vào thành quả chung. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng công tác chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động, thăm hỏi, tặng quà cho các cán bộ hưu trí vào dịp Lễ, Tết; tổ chức các buổi giao lưu văn hóa, hoạt động thể thao cho cán bộ công nhân viên.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương




Không chỉ giải quyết vấn đề việc làm cho địa phương, Công ty còn thực hiện các công tác từ thiện, hỗ trợ những người có hoàn cảnh khó khăn. Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện quyên góp, cứu trợ cho đồng bào bị bão lũ ở miền Trung, ủng hộ cho Quỹ bệnh viện đa khoa Đồng Nai để thực hiện chương trình hỗ trợ viện phí cho bệnh nhân nghèo, quỹ “nạn nhân chất độc da cam”, ủng hộ phòng chống dịch COVID, ủng hộ địa phương chăm lo cho người nghèo, ủng hộ phong trào “Toàn dân bảo vệ Tổ quốc”; trợ cấp, phụng dưỡng mẹ liệt sĩ, gia đình chính sách, con của liệt sĩ, vận động người lao động tham gia hiến máu tình nguyện thông qua chương trình “Chiến dịch những giọt máu hồng – Hè 2020”, hỗ trợ 2.000m³ nước sạch phục vụ sinh hoạt cho người dân bị ảnh hưởng bởi hạn mặn tại tỉnh Bến Tre.





PHẦN IV

Báo cáo Hội đồng quản trị

-  Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt 51
hoạt động của Công ty
-  Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động 52
của Ban Giám đốc Công ty
-  Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng 53
quản trị



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2020 thực hiện

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020	%2020/2019
Doanh thu thuần	1.072.289	1.115.640	104,04%
Doanh thu hoạt động tài chính	7.562	6.680	88,34%
Thu nhập khác	6.098	6.099	100,02%
Lợi nhuận trước thuế	183.711	172.390	93,84%
Lợi nhuận sau thuế	171.944	161.823	94,11%

Năm 2020 là một năm đặc biệt với những biến cố mang tính chất toàn cầu, tác động nhiều mặt lên đời sống kinh tế xã hội đất nước, năm 2020 không chỉ mang đến những khó khăn mà còn mở ra những cơ hội mới cho các doanh nghiệp nói chung và Dowaco nói riêng. Hội đồng quản trị đã luôn theo dõi tình hình hoạt động, đưa ra các giải pháp, phương án xử lý kịp thời trước các thay đổi của tình hình vĩ mô lẫn vi mô, bám sát mục tiêu chiến lược, phương hướng hoạt động được Đại hội đồng cổ đông đặt ra. Mặc dù gặp không ít khó khăn do tình hình dịch bệnh, bất ổn kinh tế toàn cầu, Công ty đã ghi nhận sự tăng trưởng ổn định trong hoạt động cấp nước với doanh thu thuần tăng 4,04%, đạt 1.115.640 triệu đồng, đồng thời, Công ty đã ra mắt sản phẩm mới – nước uống đóng chai và đóng bình Doriv – ra thị trường sau một thời gian nghiên cứu phát triển. Nhờ đó, hình ảnh, thương hiệu Dowaco ngày càng nhận được sự tin tưởng của các khách hàng trong địa bàn tỉnh Đồng Nai, sự quan tâm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tuy nhiên, trong năm 2020, lợi nhuận sau thuế của Doanh nghiệp đạt 161.823 triệu đồng, chỉ bằng 94,11% số thực hiện ở năm 2019, nguyên nhân chủ yếu đến từ việc phát sinh một khoản lớn chi phí tài chính liên quan đến chênh lệch tỷ giá. Theo đó, Hội đồng quản trị đã phối hợp cùng Ban Giám đốc đưa ra các kế hoạch, giải pháp triển khai thực hiện, thắt chặt hơn trong chính sách quản trị chi phí, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu năm được Đại hội đồng cổ đông giao phó.



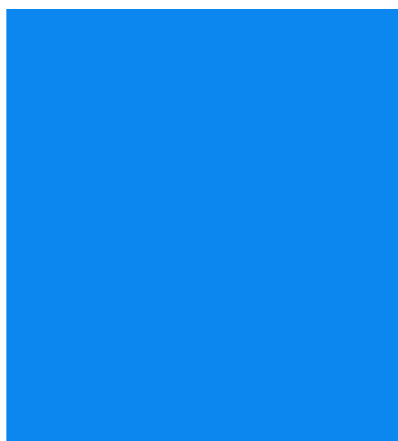
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty đã kết thúc năm đầu tiên trong nhiệm kỳ 2020-2025 với việc hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu đặt ra. Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc bổ nhiệm lại các chức vụ Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng cho nhiệm kỳ mới đối với Bà Phạm Thị Hồng, Ông Đặng Văn Chất và Bà Nguyễn Thu Oanh, bổ nhiệm Ông Nguyễn Cao Hà làm Phó Giám đốc thay thế Ông Nguyễn Văn Bính do được nghỉ chế độ hưu trí theo quy định. Với phần lớn vị trí trong ban điều hành mới đều là những cán bộ lãnh đạo, Ban Giám đốc Công ty đã:

- Nắm rõ các quy chế quản trị, quy trình làm việc cũng như hiểu rõ Công ty để đưa ra những biện pháp, những chỉ đạo kịp thời liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ, cơ cấu tổ chức, ... bám sát nội dung và triển khai các chủ trương, phương hướng mà Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao phó.
- Thực hiện việc báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh định kỳ hàng quý và 6 tháng, đưa ra các kiến nghị, đề xuất xin ý kiến đối với Hội đồng quản trị những vấn đề ngoài thẩm quyền của Ban Giám đốc, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông đưa ra.
- Là cầu nối trung gian, lắng nghe ý kiến từ các phòng ban, các bộ phận và các chi nhánh, ghi nhận những khó khăn, trắc trở trong quá trình làm việc, và xem xét các đề xuất khắc phục, tạo điều kiện tốt nhất cho cán bộ công nhân viên của Công ty.
- Đảm bảo việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành, thực hiện nghiêm túc việc công tác công bố thông tin, tạo một môi trường minh bạch, công khai đối với các bên liên quan, đặc biệt là các cổ đông.



Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



- Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động của Công ty theo đúng định hướng và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hằng năm đề ra. Luôn tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đề ra các giải pháp tích cực trong hoạch định chiến lược của Công ty.
- Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý điều hành, thường xuyên theo dõi, giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành; giải quyết kịp thời các đề xuất và đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Tổng Công ty Sonadezi giao năm 2021.
- Tăng cường các giải pháp trong quản lý điều hành, nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ trọng tâm như công tác cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, xây dựng và nâng cao thương hiệu Công ty; tăng cường các giải pháp công nghệ thông tin; tập trung thực hiện các giải pháp giảm tỷ lệ thất thoát nước; tăng cường phát triển khách hàng...
- Tiếp tục chỉ đạo việc phối hợp với các cơ quan chức năng đẩy nhanh tiến độ các nội dung còn vướng mắc đối với

các Dự án HTCN Nhơn Trạch giai đoạn 1 và giai đoạn 2; Dự án HTCN Thiện Tân giai đoạn 2, đồng thời tiếp tục triển khai thực hiện các dự án theo kế hoạch, mở rộng các dự án mở rộng mạng lưới cấp nước góp phần tăng doanh thu, phát triển khách hàng cho Công ty.




- Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy, kiện toàn các phòng ban đội để tăng cường chức năng tham mưu, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Tăng cường công tác bồi dưỡng, đánh giá, sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, người đại diện phần vốn, người lao động để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty. Quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ đảm bảo năng lực, phẩm chất, đạo đức, lối sống tạo nguồn cán bộ lãnh kế cận cho Công ty. Đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động và cổ đông của Công ty.
- Tăng cường công tác quản lý đối với người đại diện phần vốn tại các Công ty con, Công ty liên kết theo trọng việc đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy chế quản lý, đánh giá người đại diện phần vốn, đồng thời đảm bảo việc triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh tại các Công ty con, Công ty liên kết theo đúng định hướng xây dựng và thực hiện các giải pháp để phấn đấu đạt các chỉ tiêu kế hoạch được giao năm 2021.





PHẦN V

Quản trị Công ty

-  Hội đồng quản trị 57
-  Ban kiểm soát 64
-  Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích 67



Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên và các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1. Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020 (từ ngày 01/01/2020 đến 17/4/2020)				
1	Ông Vũ Văn Học	Chủ tịch	04/04	100%
2	Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên	03/04	75%
3	Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên	04/04	100%
4	Ông Võ Văn Bình	Thành viên	04/04	100%
5	Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên	04/04	100%
6	Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên	04/04	100%
2. Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 (từ ngày 17/4/2020)				
1	Ông Đặng Văn Chất	Chủ tịch	07/07	100%
2	Ông Nguyễn Văn Thiện	Phó Chủ tịch	05/07	71,4%
3	Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên	07/07	100%
4	Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên	07/07	100%
5	Ông Trần Trung Chiến	Thành viên	07/07	100%
6	Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	06/07	85,7%
7	Ông Võ Văn Bình	Thành viên	07/07	100%

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị



ÔNG ĐẶNG VĂN CHẤT - CHỦ TỊCH HĐQT

Xem lý lịch Ban Điều hành



ÔNG NGUYỄN VĂN THIỆN - PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

- Năm sinh: 1957.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Môi trường.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2020: 17.700.000 cổ phần, chiếm 17,70% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 17.700.000 cổ phần, chiếm 17,70% vốn điều lệ.



BÀ PHẠM THỊ HỒNG - THÀNH VIÊN HĐQT

Xem lý lịch Ban Điều hành



ÔNG VÕ VĂN BÌNH - THÀNH VIÊN HĐQT

- Năm sinh: 1967.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2020: 0 cổ phần.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần.



ÔNG NGUYỄN CAO HÀ - THÀNH VIÊN HĐQT

Xem lý lịch Ban Điều hành



ÔNG TRẦN TRUNG CHIẾN - THÀNH VIÊN HĐQT

- Ngày sinh: 1975.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2020: 0 cổ phần.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần.



ÔNG PHẠM ANH TUẤN - THÀNH VIÊN HĐQT

- Ngày sinh: 1975.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2020: 0 cổ phần.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần.





Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2020

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	17/04/2020	Về việc bầu Chủ tịch HĐQT và bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, nhiệm kỳ 2020-2025.
2	02/NQ-HĐQT	17/04/2020	Về việc bầu Phó Chủ tịch HĐQT và bổ nhiệm lại các chức vụ Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty nhiệm kỳ 2020-2025.
3	03/NQ-HĐQT	12/05/2020	<p>Thông qua các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020-2025. - Miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty CP Cấp nước Đồng Nai đối với Ông Nguyễn Văn Bính. <p>Thông qua mức tiền lương chi trả cho Người quản lý điều hành của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.</p>
4	04/NQ-HĐQT	05/06/2020	<p>Thông qua các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao Tổ thẩm tra, thẩm định của Công ty hoàn thiện hồ sơ thẩm định dự toán xây dựng điều chỉnh dự án HTCEN Thiện Tân (giai đoạn 2) - Thống nhất giới thiệu Ông Nguyễn Cao Hà để tiếp tục thực hiện các bước theo quy trình bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty. - Thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam để thực hiện BCTC năm 2020. <p>Thông qua nội dung phân công nhiệm vụ các TV.HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020-2025.</p>
5	04/NQ-HĐQT	24/6/2020	<p>Thống nhất thông qua chủ trương đầu tư hạng mục tuyến ống phân phối HDPE OD110 cho dự án 03 xã Bình Hòa, Tân Bình, Bình Lợi thuộc huyện Vĩnh Cửu theo đề xuất của Ban Giám đốc và đưa vào nội dung phát sinh của dự án để triển khai thực hiện.</p> <p>Giao Giám đốc Công ty triển khai thực hiện các nội dung liên quan theo đúng quy định pháp luật để sớm hoàn thành dự án.</p>
6	05/NQ-HĐQT	30/06/2020	Về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai đối với Ông Nguyễn Cao Hà



Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2020

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
7	06/NQ-HĐQT	03/08/2020	<p>Thông qua các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020-2025; kế hoạch hoạt động Quý 3 và 6 tháng cuối năm 2020. - Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 6 tháng đầu năm 2020; phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020. - Thông qua nội dung dự toán xây dựng điều chỉnh Dự án HTCEN Thiện Tân (giai đoạn 2) công suất 100.000m³/ngày và đề nghị rà soát lại tính pháp lý trước khi HĐQT ký quyết định phê duyệt Dự toán trên cơ sở tiếp tục kế thừa các hồ sơ, tài liệu đã duyệt, thực hiện trước đây để hoàn thiện hồ sơ Quyết toán công trình theo quy định. <p>Thông qua chủ trương điều chỉnh dự toán chi phí khảo sát dự án HTCEN Nhơn Trạch 2, công suất 100.000m³/ngày. Giao Ban điều hành chỉ đạo Ban Quản lý dự án rà soát lại các nội dung và tính pháp lý báo cáo Hội đồng quản trị Công ty trước khi Hội đồng quản trị phê duyệt dự toán trên cơ sở tiếp tục kế thừa các hồ sơ. Tài liệu đã duyệt, thực hiện trước đây.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất chủ trương đầu tư các dự án xây dựng công trình lắp đặt tuyến ống cấp nước tại văn bản số 06/2020/ĐDV-NTW ngày 02/7/2020. Đề nghị nhóm Người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch đưa các dự án vào kế hoạch năm 2021 để triển khai thực hiện. <p>Thống nhất nội dung thực hiện điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch. Đề nghị nhóm Người đại diện vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần cấp nước Nhơn Trạch thực hiện rà soát lại các chỉ tiêu chi phí kế hoạch điều chỉnh cho phù hợp quy định trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét phê duyệt.</p>
8	06 ^A /NQ-HĐQT	21/08/2020	Về việc chấp thuận chủ trương phát hành cổ phần tăng Vốn Điều lệ
9	07/NQ-HĐQT	26/08/2020	Về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để phát hành cổ phần tăng vốn Điều lệ
10	08/NQ-HĐQT	27/08/2020	Về việc chi trả cổ tức năm 2019, tỷ lệ chi trả: 9%/ cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 900 đồng)



Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2020

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
11	08 ^A /NQ-HĐQT	27/08/2020	Về việc điều chỉnh hồi tố thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty từ năm 2019 trở đi theo nội dung đề xuất của Ban Giám đốc Công ty phù hợp với nội dung văn bản số 7569/CT-TTHT ngày 13/8/2020 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai về hướng dẫn chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực xã hội hóa.
12	09/NQ-HĐQT	02/10/2020	Về việc thông qua hồ sơ lấy ý kiến bằng văn bản
13	11/NQ-HĐQT	06/10/2020	Về việc ký kết hợp đồng dịch vụ thuê phòng họp để tổ chức Đại hội Chi hội cấp Thoát nước Miền Nam lần thứ 18, nhiệm kỳ 2020-2025.
14	12/NQ-HĐQT	18/11/2020	Về việc thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết của đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
15	13/NQ-HĐQT	18/11/2020	Về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; triển khai thực hiện phương án phát hành
			Thông qua các nội dung: - Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT Công ty Quý 3/2020; kế hoạch hoạt động Quý 4/2020. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 9 tháng năm 2020 và kế hoạch hoạt động Quý 4/2020 của Ban điều hành. - Chấp thuận cho nhóm Người đại diện vốn Công ty tại Công ty cổ phần cấp nước Gia Tân tham gia biểu quyết thông qua nội dung phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản về việc chuyển đổi mục đích sử dụng 10 tỷ từ nguồn vốn 40 tỷ đã được huy động để thực hiện dự án HTCN 05 xã Kiệm Tân và Khu đô thị Dầu Giây (giai đoạn 2) thành vốn lưu động để đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất, trả lãi vay và các chi phí khác trong năm 2020. - Đề nghị Ban Kiểm soát Công ty chủ trì việc tổ chức kiểm tra việc thực hiện quyền và nhiệm vụ của nhóm Người đại diện phần vốn Công ty tại Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân trong việc chấp hành Quy chế quản lý đánh giá Người đại diện phần vốn của Công ty, báo cáo kết quả cho HĐQT Công ty trong tháng 12/2020. - Thống nhất về việc chấp thuận chỉ định các đơn vị Tư vấn để thực hiện thẩm tra dự toán điều chỉnh chi phí khảo sát dự án HTCN Nhơn Trạch giai đoạn 2 và thẩm tra Bản vẽ - Dự toán điều chỉnh VO-06, VO-07 dự án HTCN Thiện Tân 2 theo nội dung Tờ trình số 804/ttr-CN ngày 30/11/2020 của Giám đốc Công ty nếu chi phí nằm trong phạm vi chỉ định thầu theo quy định. - Thống nhất ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT và Giám đốc Công ty xem xét triển khai thực hiện các nội dung để ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng, thù lao và phúc lợi của Công ty. Thời gian áp dụng Quy chế: kể từ ngày 01/01/2021.
16	14/NQ-HĐQT	03/12/2020	



Các Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2020

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT	17/04/2020	Về việc bổ nhiệm lại Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai đối với Bà Phạm Thị Hồng
2	02/QĐ-HĐQT	17/04/2020	Về việc bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai đối với ông Đặng Văn Chất
3	03/QĐ-HĐQT	17/04/2020	Về việc bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai đối với Bà Nguyễn Thu Oanh
4	04/QĐ-HĐQT	13/05/2020	Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai
5	05/QĐ-HĐQT	13/05/2020	Về việc miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai đối với ông Nguyễn Văn Bình
6	06/QĐ-HĐQT	13/05/2020	Quyết định mức tiền lương chi trả cho Người quản lý điều hành
7	07/QĐ-HĐQT	01/07/2020	Bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai đối với Ông Nguyễn Cao Hà.
8	08/QĐ-HĐQT	14/07/2020	Về việc chi lương cho Người quản lý điều hành
9	09/QĐ-HĐQT	27/11/2020	Về việc chi lương cho Người quản lý điều hành
10	10/QĐ-HĐQT	14/12/2020	Về việc củng cố và kiện toàn Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty
11	11/QĐ-HĐQT	14/12/2020	Về việc thành lập Hội đồng thẩm định sáng kiến Công ty
12	12/QĐ-HĐQT	24/12/2020	Về việc chi lương cho Người quản lý điều hành





Hoạt động của HĐQT năm 2020

- Năm 2020 là năm đầu trong nhiệm kỳ 5 năm 2020-2025 của HĐQT. Hoạt động nổi bật trong năm là việc thực hiện hồ sơ thủ tục chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu phục vụ sản xuất kinh doanh nhằm cơ cấu lại nguồn vốn, giảm tỷ trọng nợ trong công ty.
- Giữa các kỳ họp định kỳ Hội đồng quản trị cũng đã thực hiện việc lấy phiếu ý kiến HĐQT bằng văn bản để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, qua đó đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định để kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng cho Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Các hồ sơ tổ chức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản được thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty dưới sự giám sát của Ban Kiểm soát Công ty. Tổng số hồ sơ lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản trong năm 2020 là 08 hồ sơ.

Đánh giá hoạt động của HĐQT

1

Hội đồng quản trị Công ty đã nỗ lực trong chỉ đạo, điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty theo đúng định hướng và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

2

Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi HĐQT.

3

Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành và đưa ra các chỉ đạo liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ, cơ cấu tổ chức...

4

Quan tâm, chú trọng thực hiện công tác xây dựng nhận diện thương hiệu của Công ty nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh, nâng cao giá trị thương hiệu, thu hút đầu tư, tăng cường sự tin tưởng đối với khách hàng.

Ban Kiểm soát



ÔNG NGUYỄN CÔNG HIẾU - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Năm sinh: 1990.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2020: 15.000.000 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 15.000.000 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ.



BÀ TĂNG TỔ VÂN - KIỂM SOÁT VIÊN

- Năm sinh: 1972.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2020: 0 cổ phần.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần.



ÔNG NGUYỄN AN QUỐC - KIỂM SOÁT VIÊN

- Năm sinh: 1974.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2020: 3.990.000 cổ phần, chiếm 3,99% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 3.989.100 cổ phần, chiếm 3,99% vốn điều lệ.





Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành



Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó Trưởng Ban kiểm soát hoạt động chuyên trách tại Công ty. Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty.



Ban kiểm soát đã hoạt động theo Quy chế hoạt động của Ban và phân công công việc cụ thể cho từng thành viên, lập kế hoạch kiểm tra giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản lý điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.



Thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc; xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Giám đốc trong công tác quản lý.



Thẩm định Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2020, giám sát công tác ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán.



Thực hiện giám sát tình hình hoạt động của các công ty thành viên thông qua báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác theo quy định của Công ty.



Ban kiểm soát đã tiến hành các cuộc họp, nội dung thông qua các vấn đề sau:

- Thông qua kết quả Báo cáo kiểm soát năm 2019.
- Phân công nhiệm vụ các thành viên trong Ban nhiệm kỳ 2020-2025



Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban đánh giá, triển khai các nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng của Công ty nhờ đó nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh, tham gia ý kiến trong công tác lãnh đạo điều hành hoạt động của Công ty nhằm mục tiêu hoàn thành kế hoạch, chỉ tiêu sản xuất kinh năm 2020 của Công ty.
- Trong quá trình làm việc, Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp nghiêm túc, cung cấp hồ sơ đầy đủ kịp thời của các bộ phận quản lý có liên quan.
- Tham gia góp ý xây dựng các Quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.
- Ban Kiểm soát tham gia phối hợp cùng HĐQT Công ty trong công tác giám sát hoạt động và việc chấp hành Quy chế quản lý Người đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết.
- Đối với cổ đông: Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông.





Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thù lao của Hội đồng quản trị, tiền lương của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Công ty được chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2020
Ông Đặng Văn Chất	Chủ tịch HĐQT/PGĐ	1.092.615.000
Ông Vũ Văn Học	Nguyên Chủ tịch HĐQT	542.460.000
Ông Nguyễn Văn Bính	Nguyên Thành viên HĐQT Nguyên PGĐ	375.394.000
Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên HĐQT / Giám đốc	1.393.820.000
Ông Nguyễn Văn Thiên	Thành viên HĐQT	96.000.000
Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT	96.000.000
Ông Trần Trung Chiến	Thành viên HĐQT	72.000.000
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	72.000.000
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên HĐQT / PGĐ	500.476.000
Bà Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng	890.070.000
Tổng cộng		5.130.835.000

Thù lao của Ban Kiểm soát, tiền lương Trưởng Ban Kiểm soát trong năm như sau

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2020
Nguyễn Công Hiếu	Trưởng BKS	908.080.000
Nguyễn An Quốc	Thành viên BKS	60.000.000
Tăng Tố Vân	Thành viên BKS	60.000.000
Tổng cộng		1.028.080.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không có

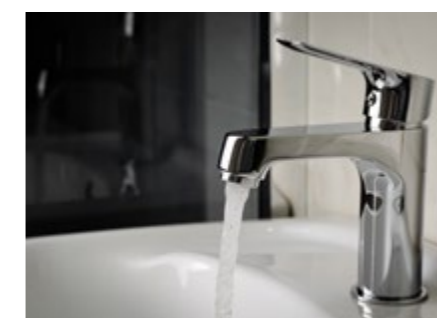


Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Giao dịch	Bên liên quan	Giá trị (VNĐ)
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	Các công ty cùng tập đoàn	138.196.164.225
	Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (DVW)	39.348.466
	Công ty cổ phần Cấp nước Gia Tân (GIW)	3.272.705
Mua hàng	Các công ty cùng tập đoàn	172.507.323
	Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (DVW)	2.456.921.462
Chiết khấu thanh toán	Các công ty cùng tập đoàn	260.783.905
Thuê phòng họp	Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	35.117.500

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ nhằm đảm bảo Công ty được vận hành suôn sẻ; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích chung của công ty nói chung và của các cổ đông nói riêng; tạo mọi điều kiện cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả.



Năm 2020, Dowaco đã tiếp tục rà soát và nâng cao năng lực của hệ thống quản trị, hướng tới các mục tiêu chính là: hoàn thiện toàn bộ hệ thống quản trị hướng tới các thông lệ quản trị tốt nhất trên thị trường; tối ưu hóa các công cụ quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng năng suất lao động. Theo đó, Công ty có thể tận dụng được tối đa các nguồn lực trong công ty.



Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán và các lớp học quản trị Công ty. Từ đó, Ban lãnh đạo Công ty có thể hiểu rõ các quy định trong văn bản hướng dẫn Luật mới của UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.





PHẦN VI

Báo cáo tài chính kiểm toán 2020

 Ý kiến kiểm toán	73
 Báo cáo tài chính	75



RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt NamT +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 239/2021/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 11 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP THEO)****Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản nợ ngắn hạn của Nhóm công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Nhóm công ty là 299.383.402.148 VND. Nguyên nhân chính của việc các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là do việc trình bày lại các khoản vay dài hạn đến hạn trả sang ngắn hạn. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty tin rằng Nhóm công ty vẫn tiếp tục hoạt động liên tục trong vòng 12 tháng tới. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Nhóm công ty tiếp tục hoạt động liên tục. Ý kiến của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

KT TỔNG GIÁM ĐỐC**Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**
TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

**Phan Hoài Nam
Kiểm toán viên**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3527-2021-026-1



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		290.974.001.515	240.962.797.430
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	109.266.207.775	59.817.273.278
1. Tiền	111		33.266.207.775	36.817.273.278
2. Các khoản tương đương tiền	112		76.000.000.000	23.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		70.266.296.247	62.866.295.180
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	70.266.296.247	62.866.295.180
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.618.399.903	67.555.269.573
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	46.544.709.918	53.719.977.456
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.388.173.194	4.924.959.423
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		9.308.723.075	11.079.087.402
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(2.623.206.284)	(2.168.754.708)
IV. Hàng tồn kho	140		38.429.755.572	43.552.425.040
1. Hàng tồn kho	141	4.5	38.429.755.572	43.552.425.040
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.393.342.018	7.171.534.359
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	516.029.224	125.711.502
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.219.969.326	3.566.359.913
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	8.657.343.468	3.479.462.944
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.258.499.339.909	3.439.212.854.407
I. Tài sản cố định	220		3.047.596.832.122	3.224.591.595.958
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	2.741.071.906.187	2.910.322.930.931
Nguyên giá	222		4.910.934.677.694	4.850.493.126.936
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.169.862.771.507)	(1.940.170.196.005)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	306.524.925.935	314.268.665.027
Nguyên giá	228		356.143.750.291	356.092.593.291
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(49.618.824.356)	(41.823.928.264)
II. Bất động sản đầu tư	230		923.546.489	974.336.909
1. Nguyên giá	231		1.269.760.507	1.269.760.507
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(346.214.018)	(295.423.598)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		151.825.683.398	140.404.617.814
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.6	151.825.683.398	140.404.617.814
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	37.626.594.646	32.931.314.431
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		34.556.872.156	29.941.591.941
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.069.722.490	3.069.722.490
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(80.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		20.526.683.254	40.310.989.295
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	20.506.809.191	40.191.744.919
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		19.874.063	119.244.376
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.549.473.341.424	3.680.175.651.837

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.057.470.374.875	2.228.632.284.378
I. Nợ ngắn hạn	310		590.357.403.663	597.605.500.140
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	60.274.204.660	44.674.497.362
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	11.420.832.359	36.311.253.924
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	6.963.585.924	7.815.727.525
4. Phải trả người lao động	314	4.13	53.132.070.574	31.575.638.479
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	23.350.205.292	18.039.251.419
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	10.205.644.570	8.013.177.060
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	407.046.758.564	439.806.846.385
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.964.101.720	11.369.107.986
II. Nợ dài hạn	330		1.467.112.971.212	1.631.026.784.238
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	4.11	3.867.902.036	3.867.902.036
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	2.955.796.132	2.826.826.409
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.16	1.460.289.273.044	1.624.332.055.793
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.492.002.966.549	1.451.543.367.459
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.17	1.492.002.966.549	1.449.741.677.729
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.764.721.167	18.764.721.167
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		26.218.693.500	26.218.693.500
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(64.235.766.100)	(64.235.766.100)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		93.575.720.084	64.912.313.912
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		310.885.049.040	298.656.186.508
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		153.094.952.481	132.074.861.739
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		157.790.096.559	166.581.324.769
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		106.794.548.858	105.425.528.742
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	1.801.689.730
1. Nguồn kinh phí	431		-	1.801.689.730
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.549.473.341.424	3.680.175.651.837



Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 11 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Thu Oanh
Kế Toán Trưởng

Trần Hoàng Anh Phương
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.115.651.528.121	1.072.311.869.099
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		12.002.701	23.320.281
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.115.639.525.420	1.072.288.548.818
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	667.886.576.723	668.747.912.722
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		447.752.948.697	403.540.636.096
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	6.680.110.287	7.562.727.370
7. Chi phí tài chính	22	5.4	155.965.690.200	98.399.148.460
Trong đó, chi phí lãi vay	23		68.431.454.795	78.231.093.175
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		(3.696.319.785)	1.130.932.905
9. Chi phí bán hàng	25	5.5	65.033.574.831	69.530.690.532
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	61.960.842.729	64.210.346.496
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		167.776.631.439	180.094.110.883
12. Thu nhập khác	31		6.099.151.174	6.098.200.013
13. Chi phí khác	32		1.485.383.839	2.481.434.666
14. Lợi nhuận khác	40		4.613.767.335	3.616.765.347
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		172.390.398.774	183.710.876.230
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	10.467.983.469	11.687.639.487
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		99.370.313	79.496.250
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		161.823.044.992	171.943.740.493
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		149.286.960.504	160.924.670.582
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		12.536.084.488	11.019.069.911
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17.3	1.336	1.440
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.17.4	1.336	1.440



Phạm Thị Hồng
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 11 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Thu Oanh
Kế Toán Trưởng

Trần Hoàng Anh Phương
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		172.390.398.774	183.710.876.230
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	241.159.847.518	250.954.852.330
Các khoản dự phòng	03		374.451.576	(838.403.096)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.4	87.319.178.816	18.879.142.543
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.969.408.786)	(6.948.633.866)
Chi phí lãi vay	06	5.4	68.431.454.795	78.231.093.175
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		564.705.922.693	523.988.927.316
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		33.478.680.674	133.018.920.944
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.122.669.468	(3.746.383.145)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10.418.817.956)	(133.105.238.804)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		19.294.618.006	32.617.480.553
Tiền lãi vay đã trả	14		(61.833.615.837)	(73.506.229.389)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.12	(15.637.326.305)	(27.504.451.045)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.661.146.230	3.063.280.855
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(18.539.128.164)	(26.018.580.824)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		518.834.148.809	428.807.726.461
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(77.501.709.559)	(129.749.483.737)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		725.247.272	1.170.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(81.900.001.067)	(47.866.295.180)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		71.500.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.628.881.299	5.063.155.506
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(77.547.582.055)	(171.382.077.956)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	434.637.347.260	592.793.298.776
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(717.833.716.117)	(777.049.671.279)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(108.641.263.400)	(88.939.203.525)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(391.837.632.257)	(273.195.576.028)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		49.448.934.497	(15.769.927.523)
Tiền và tương đương tiền đầu	60		59.817.273.278	75.587.200.801
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	4.1	109.266.207.775	59.817.273.278



Phạm Thị Hồng
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 11 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Thu Oanh
Kế Toán Trưởng

Trần Hoàng Anh Phương
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 05 tháng 09 năm 2014, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DOWACO) theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600259296 ngày 01 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Công ty đã đăng ký giao dịch chứng khoán trên Sàn giao dịch Upcom và được cấp mã chứng khoán DWC tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 53/2015/GCNCP-VSD ngày 03 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.000.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
		Ngàn đồng	Tỷ lệ (%)	Ngàn đồng	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công nghiệp	Việt Nam	639.891.000	63,99	639.891.000	63,99
Các nhà đầu tư khác	Việt Nam	360.109.000	36,01	360.109.000	36,01
Cộng		1.000.000.000	100,00	1.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 02 công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2020 gồm:

- Chi nhánh cấp nước Tân Định;
- Chi nhánh cấp nước Thiện Tân;
- Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc;
- Chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch;
- Chi nhánh cấp nước Vĩnh An;
- Chi nhánh cấp nước Long Bình;
- Chi nhánh cấp nước Biên Hòa;
- Chi nhánh cấp nước Long Thành;
- Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú;

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 31/12/2020 là 1.060 (31/12/2019 là: 932).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác và cung cấp nước sạch.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế công trình cấp nước, thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình, thiết kế công trình thoát nước. Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp nước;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình cấp thoát nước;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15mm đến 100mm.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Nhóm công ty

Nhóm công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 02 công ty con trực tiếp.

1.6. Các công ty con được hợp nhất

Các công ty con trực tiếp:

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Khu Công nghiệp Nhơn Trạch, Số 319B, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	52,44%	52,44%
2.	Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Số 02 Bis, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	51,00%	51,00%

1.7. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Số 52 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	36%	36%
2.	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	25%	25%



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2.6. Giá định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản nợ ngắn hạn của Nhóm công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Nhóm công ty là 299.383.402.148 VND. Nguyên nhân chính của việc các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là do việc trình bày lại các khoản vay dài hạn đến hạn trả sang ngắn hạn. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty tin rằng Nhóm công ty vẫn tiếp tục hoạt động liên tục trong vòng 12 tháng tới. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Nhóm công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá tính chéo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Nhóm công ty trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 20 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 20 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất từ 20 đến 48 năm.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ xuất dùng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ từ 1 đến 3 năm.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong kỳ vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Nhóm công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhóm công ty trong công ty liên doanh liên kết.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm lãi vay, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.18. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (cả hoạt động xây lắp).

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm cho hoạt động trong lĩnh vực xã hội hoá thành lập do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật đáp ứng tiêu chí về cơ sở xã hội hoá theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cung cấp nước: 5%
- Dịch vụ lắp đặt công trình từ nguồn kinh phí công cộng: Không chịu thuế
- Dịch vụ lắp đặt khác: 10%



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	171.182.320	337.435.818
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.095.025.455	36.479.837.460
Các khoản tương đương tiền	76.000.000.000	23.000.000.000
Cộng	109.266.207.775	59.817.273.278

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 2,9% đến 3,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 5,8% – 7,6%/năm.

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	25.000.000.000	19.648.328.609	15.000.000.000	14.839.863.372
Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	7.800.368.003	14.908.543.547	7.800.368.003	15.101.728.569
Cộng	32.800.368.003	34.556.872.156	22.800.368.003	29.941.591.941
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:				
	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	1.039.722.490	3.040.320.000	1.039.722.490	1.681.677.000
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi	2.030.000.000	2.100.000.000	2.030.000.000	(80.000.000)
Cộng	3.069.722.490	5.140.320.000	3.069.722.490	(80.000.000)

Nhóm công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu có phiếu mà Nhóm công ty đang nắm giữ.





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	298.747.149	293.627.249
Phải thu từ khách hàng khác	46.245.962.769	53.426.350.207
Cộng	46.544.709.918	53.719.977.456

Tại ngày 31/12/2020, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng ngắn hạn.

4.4. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	3.266.755.561	643.549.277	2.417.920.461	249.165.753

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	35.626.996.163	-	38.057.190.301	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.495.795.211	-	5.275.124.489	-
Công cụ, dụng cụ	188.661.700	-	220.110.250	-
Hàng hoá	118.302.498	-	-	-
Cộng	38.429.755.572	-	43.552.425.040	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Dự án xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 1 và giai đoạn 2 (a)	105.544.349.019	105.305.686.779
Dự án xây dựng hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2 (b)	15.254.472.772	23.038.164.426
Các dự án khác	31.026.861.607	12.060.766.609
Cộng	151.825.683.398	140.404.617.814

(a) Công ty đang đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 2 với tổng mức đầu tư là 3.567.712.000.000 VND. Dự án đang ở giai đoạn thiết kế chi tiết và hỗ trợ đấu thầu do liên doanh tư vấn Công ty TNHH Nippon Koei, Công ty TNHH Kỹ thuật Dohwa, Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường, và Công ty TNHH Nippon Koei Việt Nam International trúng thầu với giá trị đã thực hiện và bàn giao khối lượng là: 101.510.356 JPY, 818.981 USD và 32.812.054.500 VND.

(b) Công ty đang đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2 với tổng mức đầu tư là 1.277.084.000.000 VND. Dự án đã bàn giao các hạng mục chính. Hiện tại, nhà thầu đang bảo hành công trình, chủ đầu tư đã phối hợp với nhà thầu kiểm tra xác nhận những tồn đọng còn lại đến hết thời gian bảo hành.

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2020	985.122.305.631	1.138.118.430.281	2.667.987.116.839	51.364.759.137	7.900.515.048	4.850.493.126.936
Mua trong kỳ	61.753.580	2.072.841.708	2.835.400.768	297.895.455	-	5.267.891.511
Đầu tư XDCB hoàn thành	7.039.574.958	8.076.501.742	43.260.341.175	-	-	58.376.417.875
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.202.758.628)	-	-	(3.202.758.628)
Tại ngày 31/12/2020	992.223.634.169	1.148.267.773.731	2.710.880.100.154	51.662.654.592	7.900.515.048	4.910.934.677.694
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2020	433.556.707.771	535.047.712.180	926.509.462.603	39.662.396.362	5.393.917.089	1.940.170.196.005
Khấu hao trong kỳ	37.981.486.820	76.433.702.583	113.509.984.353	4.029.774.878	940.385.496	232.895.334.130
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.202.758.628)	-	-	(3.202.758.628)
Tại ngày 31/12/2020	471.538.194.591	611.481.414.763	1.036.816.688.328	43.692.171.240	6.334.302.585	2.169.862.771.507
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2020	551.565.597.860	603.070.718.101	1.741.477.654.236	11.702.362.775	2.506.597.959	2.910.322.930.931
Tại ngày 31/12/2020	520.685.439.578	536.786.358.968	1.674.063.411.826	7.970.483.352	1.566.212.463	2.741.071.906.187

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình là 1.193.768.816.929 VND đã dùng để chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.16.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 692.935.531.890 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Quy hoạch bán đồ VND	Phần mềm kế toán VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2020	350.929.202.176	2.814.843.027	2.348.548.088	356.092.593.291
Mua trong kỳ	-	-	51.157.000	51.157.000
Tại ngày 31/12/2020	350.929.202.176	2.814.843.027	2.399.705.088	356.143.750.291
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2020	38.657.463.332	1.648.865.593	1.517.599.339	41.823.928.264
Khấu hao trong kỳ	7.255.724.676	61.611.160	477.560.256	7.794.896.092
Tại ngày 31/12/2020	45.913.188.008	1.710.476.753	1.995.159.595	49.618.824.356
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2020	312.271.738.844	1.165.977.434	830.948.749	314.268.665.027
Tại ngày 31/12/2020	305.016.014.168	1.104.366.274	404.545.493	306.524.925.935

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình là 299.562.633.307 VND đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.16.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.180.612.088 VND.





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.9. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	516.029.224	125.711.502
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa cải tạo tài sản cố định	14.502.946.955	27.667.648.685
Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ điện tử cho khách hàng	2.493.762.739	10.890.886.666
Các khoản khác	3.510.099.497	1.633.209.568
Cộng	20.506.809.191	40.191.744.919

4.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	13.485.639.499	13.485.639.499	8.023.453.981	8.023.453.981
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	4.835.167.018	4.835.167.018	4.726.534.058	4.726.534.058
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	3.619.653.070	3.619.653.070	231.000.000	231.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Hùng	2.836.294.026	2.836.294.026	2.069.687.840	2.069.687.840
Công ty Kumho Industrial Co.,Ltd	-	-	10.138.530.063	10.138.530.063
Phải trả cho các đối tượng khác	35.497.451.047	35.497.451.047	19.485.291.420	19.485.291.420
Cộng	60.274.204.660	60.274.204.660	44.674.497.362	44.674.497.362



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.11. Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan – xem thêm mục 8	26.876.802	19.222.718.878
Các khách hàng khác	11.393.955.557	17.088.535.046
Cộng	11.420.832.359	36.311.253.924
Dài hạn:		
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan – xem thêm mục 8	2.000.000.000	2.000.000.000
Các khách hàng khác	1.867.902.036	1.867.902.036
Cộng	3.867.902.036	3.867.902.036

(Xem trang tiếp theo)


BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
4.12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2020		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2020	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	8.537.688	-	26.916.219.775	29.524.394.623	-	2.599.637.160
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.648.805.780	-	10.467.983.469	15.637.326.305	3.479.462.944	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	338.285.555	3.203.465.520	3.481.452.114	-	616.272.149
Thuế tài nguyên	-	998.678.159	10.307.384.889	10.045.159.931	-	736.453.201
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	433.418.091	254.140.499	252.926.552	-	432.204.144
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.193.204.119	50.837.151.113	49.075.107.865	-	3.431.160.871
Cộng	8.657.343.468	6.963.585.924	101.994.345.265	108.024.367.390	3.479.462.944	7.815.727.525

(Xem trang tiếp theo)
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
4.13. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả cho người lao động.

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí lãi vay phải trả	11.003.264.293	12.236.078.900
Các khoản trích trước khác	12.346.940.999	5.803.172.519
Cộng	23.350.205.292	18.039.251.419

4.15. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Phí bảo vệ môi trường	3.342.745.616	3.146.333.458
Kinh phí công đoàn	1.879.713.492	1.490.925.252
Tiền nước chưa quyết toán	1.185.836.705	896.111.307
Cổ tức phải trả	267.416.100	358.745.975
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.529.932.657	2.121.061.068
Cộng	10.205.644.570	8.013.177.060
Dài hạn:		
Bồi thường di dời trạm bơm nước thô Biên Hòa	1.905.000.000	1.905.000.000
Phải trả nhà thầu Dohwa – dự án Thiện Tân giai đoạn 2	1.050.796.132	921.826.409
Cộng	2.955.796.132	2.826.826.409

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.16. Vay và nợ thuế tài chính

	Tại ngày 31/12/2020		Trong năm		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	407.046.758.564	407.046.758.564	431.652.286.313	464.412.374.134	439.806.846.385	439.806.846.385
Vay dài hạn	1.460.289.273.044	1.460.289.273.044	108.945.888.004	272.988.670.753	1.624.332.055.793	1.624.332.055.793
Cộng	1.867.336.031.608	1.867.336.031.608	540.598.174.317	737.401.044.887	2.064.138.902.178	2.064.138.902.178

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Vay ngắn hạn:				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Đồng Nai	VND	6,7%/năm	79.127.218.867	100.460.341.872 (a)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	6,5% - 7%/năm	62.759.233.550	60.394.832.132 (b)
Ngân hàng TMCP Quốc tế	VND	5,5%/năm	4.023.274.739	- (k)
Vay dài hạn đến hạn trả:				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Đồng Nai	VND	10%/năm	20.951.562.831	59.697.930.420 (c)
Quý Đầu Tư Phát Triển Đồng Nai	VND	7%/năm	29.227.200.000	22.392.000.000 (d)
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	9,5% - 9,7%/năm	12.595.640.000	12.595.640.000 (e)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	JPY, KRW	1,3% - 3,53%/năm	192.369.461.909	173.228.687.293 (f)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	6,9% - 7,2%/năm	1.157.166.668	1.157.166.668 (g)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	9,1%/năm	4.836.000.000	4.836.000.000 (h)
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành Phố Hồ Chí Minh	VND	10%/năm	-	5.044.248.000 (i)
Cộng			407.046.758.564	439.806.846.385

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Vay dài hạn:				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Đồng Nai	VND	10%/năm	33.078.426.462	48.758.182.933 (c)
Quý Đầu Tư Phát Triển Đồng Nai	VND	7%/năm	107.048.621.896	108.729.299.896 (d)
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	9,5% - 9,7%/năm	13.030.531.094	25.626.171.094 (e)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	JPY, KRW	1,3% - 3,53%/năm	1.205.639.326.031	1.322.931.397.762 (f)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	6,9% - 7,2%/năm	578.583.326	1.735.749.994 (g)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	9,1%/năm	20.556.818.907	25.392.818.907 (h)
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành Phố Hồ Chí Minh	JPY	0,97%	80.356.965.328	78.065.435.207 (i)
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành Phố Hồ Chí Minh	VND	10%/năm	-	13.093.000.000 (j)
Cộng			1.460.289.273.044	1.624.332.055.793

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

(a) và (c) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Một phần Nhà máy nước Thiên Tân theo Hợp đồng thế chấp số 11.52.11/HĐTC-CN-TT1 ngày 10/07/2011;
- Hệ thống cấp nước Thành Phú. Hợp đồng thế chấp số 11.52.11/HĐTC-CN-TP ngày 10/07/2011;
- Quyền sử dụng đất tại P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo GCN QSD đất số 0934404; Quyền sở hữu nhà ở và QSD đất ở tại P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo GCN QSH nhà ở và QSD đất ở số 747312604100101;
- Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2 hình thành trong tương lai.

(d) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Nhà làm việc XI nghiệp nước Xuân Lộc tại Thị trấn Gia Ray, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai;
- Hệ thống cấp nước thị trấn Định Quán và hệ thống cấp nước Phường Tân Biên, TP Biên Hòa;
- Tài sản hình thành trong tương lai: Hệ thống cấp nước xã Long Hưng Giai đoạn 2; Hệ thống cấp nước Vĩnh Cửu 15.000m³; Hệ thống cấp nước Thị trấn Trảng Bom Giai đoạn 2; Hệ thống cấp nước xã Vĩnh Tân - Trại An; Hệ thống cấp nước xã Bình Sơn, huyện Long Thành và Hệ thống cấp nước xã Long An, huyện Long Thành.

(e) Khoản vay được đảm bảo bằng dự án công trình hệ thống cấp nước Phường Tân Phong, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, công suất 7.000m³/ngày và các tài sản hình thành sau Cải tạo, lắp đặt các tuyến ống trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.





BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(f) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài sản hình thành trong tương lai của dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch;
- Tài sản hình thành trong tương lai của dự án Hệ thống cấp nước Thiện Tân Giai đoạn 2.

(b), (g), (h), (i), (j) và (k) là các khoản vay không có đảm bảo bằng tài sản.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình đảm bảo cho các khoản vay lần lượt là 1.193.768.816.929 VND và 299.562.633.307 VND – Xem thêm mục 4.7 và mục 4.8.

4.17. Vốn chủ sở hữu

4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng	
Tại ngày 01/01/2019	1.000.000.000.000	18.764.721.167	26.218.693.500	45.070.777.828	(64.235.766.100)	253.342.439.213	104.512.066.972	1.383.672.932.580
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	160.924.670.582	11.019.069.911	171.943.740.493
Trích quỹ ĐTPT	-	-	-	19.841.536.084	-	(19.841.536.084)	-	-
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	-	(15.698.413.465)	(1.069.336.385)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(80.000.000.000)	(8.971.896.000)	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(70.973.738)	(64.375.756)	(135.349.494)
Tại ngày 01/01/2020	1.000.000.000.000	18.764.721.167	26.218.693.500	64.912.313.912	(64.235.766.100)	298.656.186.508	105.425.528.742	1.449.741.677.729
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	149.286.960.504	12.536.084.488	161.823.044.992
Trích quỹ ĐTPT	-	-	-	28.663.406.172	-	(28.663.406.172)	-	-
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	-	(18.394.691.800)	(2.195.168.372)	(20.589.860.172)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(90.000.000.000)	(8.971.896.000)	(98.971.896.000)
Tại ngày 31/12/2020	1.000.000.000.000	18.764.721.167	26.218.693.500	93.575.720.084	(64.235.766.100)	310.885.049.040	106.794.548.858	1.492.002.966.549



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.17.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	100.000.000	100.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.17.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi sau thuế của cổ đông công ty mẹ	149.286.960.504	160.924.670.582
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(15.675.130.853)	(16.897.090.411)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	133.611.829.651	144.027.580.171
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	100.000.000	100.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.336	1.440

4.17.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi sau thuế của cổ đông công ty mẹ	149.286.960.504	160.924.670.582
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(15.675.130.853)	(16.897.090.411)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	133.611.829.651	144.027.580.171
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	100.000.000	100.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.336	1.440

4.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Ngoại tệ các loại: USD	23.098,63	23.098,63


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cung cấp nước	1.073.755.813.681	1.034.682.029.096
Doanh thu hợp đồng dịch vụ lắp đặt	41.194.735.424	37.629.840.003
Doanh thu khác	700.979.016	-
Cộng	1.115.651.528.121	1.072.311.869.099

Doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 8	138.238.785.396	139.640.446.352
---	-----------------	-----------------

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn cung cấp nước	624.654.035.313	633.548.247.116
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	42.842.366.181	35.199.665.606
Giá vốn khác	390.175.229	-
Cộng	667.886.576.723	668.747.912.722

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	5.584.971.299	4.837.147.506
Lãi chênh lệch tỷ giá	850.128.988	2.499.571.864
Cổ tức, lợi nhuận được chia	245.010.000	226.008.000
Cộng	6.680.110.287	7.562.727.370

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ	87.319.178.816	18.879.142.543
Lãi tiền vay	68.431.454.795	78.231.093.175
Lỗ chênh lệch tỷ giá	215.056.589	1.208.912.742
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	80.000.000
Cộng	155.965.690.200	98.399.148.460


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	32.927.246.149	32.169.724.560
Chi phí nhân viên	20.136.400.599	22.315.838.735
Chi phí khác	11.969.928.083	15.045.127.237
Cộng	65.033.574.831	69.530.690.532

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	45.210.728.910	44.327.968.226
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.663.403.304	3.766.349.661
Chi phí khác	14.086.710.515	16.116.028.609
Cộng	61.960.842.729	64.210.346.496

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	196.248.534.473	119.284.103.223
Chi phí nhân công	231.085.747.844	214.581.472.137
Chi phí khấu hao tài sản cố định	241.159.847.518	250.954.852.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.688.491.942	93.760.659.668
Chi phí khác bằng tiền	46.919.043.228	125.321.238.129
Cộng	792.101.665.005	803.902.325.487



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	172.390.398.774	183.710.876.230
Điều chỉnh lợi nhuận hợp nhất báo cáo tài chính	14.765.342.532	10.421.965.608
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.643.782.912	1.554.056.936
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(11.711.514.000)	(13.339.242.400)
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh	176.669.183.342	182.347.656.374
Trong đó:		
Thu nhập được ưu đãi thuế (thuế suất 10% và giảm 50%)	143.703.064.148	155.179.693.744
Thu nhập được ưu đãi thuế (thuế suất 10%)	23.725.905.906	18.852.132.999
Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất thông thường (thuế suất 20%)	9.659.040.164	9.540.460.031
Chi phí thuế TNDN được ưu đãi	9.557.743.798	9.644.197.987
Chi phí thuế TNDN áp dụng thuế suất thông thường	1.931.808.033	1.908.092.006
Truy thu thuế	-	135.349.494
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm 30% theo nghị định số 114/2020/NĐ-CP	(1.021.568.362)	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	10.467.983.469	11.687.639.487

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	434.637.347.260	592.793.298.776

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(717.833.716.117)	(777.049.671.279)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm công ty là: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước. Do đó, Nhóm công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Theo khu vực địa lý

Nhóm Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Nhóm Công ty hoàn toàn tại tỉnh Đồng Nai nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	Công ty liên kết
4. Các công ty con, công ty liên kết khác thuộc Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp	Các công ty cùng tập đoàn
5. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong [Tập đoàn/Nhóm công ty] đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu thương mại:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	293.508.224	293.508.224
Các công ty cùng tập đoàn	5.238.925	119.025
Cộng – Xem thêm mục 4.3	298.747.149	293.627.249
	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả thương mại		
Các công ty cùng tập đoàn	9.678.498.622	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	3.807.140.877	8.023.453.981
Cộng – Xem thêm mục 4.10	13.485.639.499	8.023.453.981



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, tiền lương của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Công ty được chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Đặng Văn Chát	Chủ tịch HĐQT / PGĐ	1.092.615.000	444.680.000
Ông Vũ Văn Học	Nguyên Chủ tịch HĐQT	542.460.000	1.335.669.200
Ông Nguyễn Văn Bình	Nguyên Thành viên HĐQT / Nguyên PGĐ	375.394.000	1.023.280.000
Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên HĐQT / Giám đốc	1.393.820.000	846.035.000
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Trần Trung Chiến	Thành viên HĐQT	72.000.000	-
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	72.000.000	-
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên HĐQT / PGĐ	500.476.000	72.000.000
Ông Phan Hùng	Nguyên thành viên HĐQT / Nguyên GD	-	730.215.800
Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Nguyên thành viên HĐQT / Nguyên PGĐ	-	820.300.000
Ông Lê Duy Diệp	Nguyên thành viên HĐQT / Nguyên PGĐ	-	566.900.000
Bà Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng	890.070.000	830.170.000
Cộng		5.130.835.000	6.861.250.000

9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT

Thù lao của Ban Kiểm soát, tiền lương Trưởng Ban Kiểm soát trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Nguyễn Công Hiếu	Trưởng BKS	908.080.000	474.240.000
Nguyễn An Quốc	Thành viên BKS	60.000.000	45.000.000
Tăng Tố Văn	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000
Phạm Thị Hồng	Nguyên trưởng BKS	-	321.695.000
Phan Thuỳ Đoan	Nguyên thành viên BKS	-	15.000.000
Cộng		1.028.080.000	915.935.000

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Trích):

	Tại ngày 01/01/2020 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 01/01/2020 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	3.479.462.944	710.804.562
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.815.727.525	12.806.053.830
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	298.656.186.508	290.897.201.821

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Năm 2019 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2019 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.687.639.487	19.446.624.174
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	171.943.740.493	164.184.755.806
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	160.924.670.582	153.165.685.895
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.440	1.371
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.440	1.371

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Trích):

	Năm 2019 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2019 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Tăng, giảm các khoản phải thu	133.018.920.944	125.259.936.257
Tăng, giảm các khoản phải trả	(133.105.238.804)	(125.346.254.117)

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do Nhóm công ty xác định lại ưu đãi thuế TNDN từ năm 2019 cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xã hội hoá thành lập do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật đáp ứng tiêu chí về cơ sở xã hội hoá theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 11 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Trần Hoàng Anh Phương
Người lập



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

GIAM ĐỐC



Phạm Thị Hồng